

Theo PO No.1, ngày 03/02/2025, Tổng Công ty đã đệ trình lên Hội đồng trọng tài Danh sách các vấn đề cần tham vấn ý kiến chuyên gia; và ngày 24/02/2025 đệ trình lên Hội đồng trọng tài Danh sách nhân chứng vụ việc và nhân chứng chuyên gia, Tổng Công ty đã lựa chọn 10 nhân chứng, 02 chuyên gia người Việt về vấn đề Pháp luật Việt Nam về Xây dựng áp dụng đối với Hợp đồng EPS và 01 chuyên gia nước ngoài Bà Frances Hale của Công ty Diales về Hệ thống thải xỉ.

Ngày 19/09/2025, các bên đã hoàn tất việc nộp bản Lời khai người làm chứng cho Hội đồng trọng tài, Tổng Công ty đã lựa chọn nộp bản lời khai cho 5 nhân chứng trong số Danh sách 10 nhân chứng đã đăng ký.

Ngày 27/11/2025, hai bên đã hoàn tất việc nộp Báo cáo chuyên gia cho Hội đồng trọng tài.

Ngày 26/01/2026, hoàn thành Bước 19 nộp Bản phản hồi Lời khai người làm chứng. Tiếp tục chuẩn bị Bước 20 nộp Báo cáo chuyên gia chung về các vấn đề đã thống nhất vào ngày 28/04/2026 - theo tiến độ lịch biểu tổ tụng đã được Hội đồng trọng tài sửa đổi (tại thư số 4852/VIAC ngày 08/12/2025).

Song song với công tác tham gia tổ tụng trọng tài tại VIAC, Tổng Công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu Công ty DL E&C Co., Ltd và đề nghị Nhà thầu từ bỏ khiếu kiện nêu trên.

#### 17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	51.669.863.207	63.770.025.034
Ban quản lý Điện lực Dầu khí Long Phú 1	49.155.268.371	-
Các đối tượng khác	38.409.818.755	32.031.803.188
	<b>222.013.426.232</b>	<b>178.580.304.121</b>

**18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	26.600.011	161.641.578	7.414.039.430	4.728.595.961	26.600.011	2.847.085.047
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	-	-	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	-	21.256.556.285	-
Thuế thu nhập cá nhân	51.045.511	1.251.202.808	1.506.450.345	1.473.091.676	48.219.094	1.281.735.060
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.028.654.661	1.173.499.552	1.865.288.050	-	336.866.163
Các loại thuế khác	3.000.000	-	7.407.771.538	7.404.771.538	-	-
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	783.720	-	334.266.271	334.266.271	783.720	-
	<b>21.357.240.230</b>	<b>2.441.499.047</b>	<b>17.836.027.136</b>	<b>15.806.013.496</b>	<b>21.351.413.813</b>	<b>4.455.686.270</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	80.065.579.568	89.852.094.281
Chi phí phải trả khác	2.855.215.927	5.009.284.841
	<b>82.920.795.495</b>	<b>94.861.379.122</b>
b) <b>Dài hạn</b>		
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	115.497.608.588	115.497.608.588
	<b>115.497.608.588</b>	<b>115.497.608.588</b>

**20 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.447.841.545	1.447.841.545
Doanh thu chưa thực hiện về phí ủy thác nhập khẩu	25.251.937.860	-
	<b>26.699.779.405</b>	<b>1.447.841.545</b>
b) <b>Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	45.522.199.903	50.632.252.045
	<b>45.522.199.903</b>	<b>50.632.252.045</b>

(i) Trong đó bao gồm: 39.334.078.836 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTD/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Ráp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.392 VND. Trong năm, Công ty đã phân bổ thêm 3.662.210.590 VND tiền thuê đất từ tháng 12 năm 2014 đến ngày có Quyết định thu hồi đất số 2668/QĐ-UBND ngày 24/09/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang. Tổng Công ty sẽ làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.



**21 PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	1.924.844.809	1.779.814.942
Bảo hiểm xã hội	4.140.969	50.959.975
Bảo hiểm y tế	81.992.087	93.089.851
Bảo hiểm thất nghiệp	6.051.893	17.551.681
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.705.600	3.000.000
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (ii)	182.761.658.990	172.784.334.551
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
Phải trả khác	46.105.449.162	52.902.129.753
	<b>422.934.087.512</b>	<b>419.672.124.755</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược	13.856.187	13.856.187
	<b>13.856.187</b>	<b>13.856.187</b>

(i) Tại ngày 31/12/2025, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 34.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (tên cũ là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank)) bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 22. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Trong đó bao gồm 42,22 tỷ VND là khoản phải trả Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam số tiền đã hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

**Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**22 VAY**

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay ngắn hạn (i)	9.336.400.000	9.336.400.000	71.524.989.291	38.116.542.603	42.744.846.688	42.744.846.688
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	575.670.157.122	575.670.157.122	-	-	575.670.157.122	575.670.157.122
	<b>585.006.557.122</b>	<b>585.006.557.122</b>	<b>71.524.989.291</b>	<b>38.116.542.603</b>	<b>618.415.003.810</b>	<b>618.415.003.810</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Vay dài hạn (ii)	575.670.157.122	575.670.157.122	-	-	575.670.157.122	575.670.157.122
	<b>575.670.157.122</b>	<b>575.670.157.122</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>575.670.157.122</b>	<b>575.670.157.122</b>
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(575.670.157.122)	(575.670.157.122)			(575.670.157.122)	(575.670.157.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-			-	-

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn như sau:

Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025	01/01/2025
					VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	VND	7,60%	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thẻ chấp (*)	42.744.846.688	9.336.400.000
					<b>42.744.846.688</b>	<b>9.336.400.000</b>

(\*) Thẻ chấp bằng hợp đồng tiền gửi (xem thuyết minh số 4) và Lô đất tại xã Tam Đảo (xem thuyết minh số 14)

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn như sau:

				Hình thức đảm bảo	31/12/2025	01/01/2025
					VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>						
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại						
-	Hợp đồng số 603/2011/HĐTD-	VND	4,90%	31/12/2017	Đầu tư vốn vào Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000
-	Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010	VND	4,90%	31/12/2017	Vay đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	65.000.000.000
-	Hợp đồng số 602/2011/HĐTD-	VND	5,50%	31/12/2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	310.670.157.122
-	Hợp đồng số 10/2010/HĐTD-	VND				
-	Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011					
					<b>575.670.157.122</b>	<b>575.670.157.122</b>
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng					(575.670.157.122)	(575.670.157.122)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					-	-

Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời hạn các khoản vay được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

**c) Số vay quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	575.670.157.122	182.761.658.990	575.670.157.122	172.784.334.551
	<b>575.670.157.122</b>	<b>182.761.658.990</b>	<b>575.670.157.122</b>	<b>172.784.334.551</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Tầng 14, Tòa nhà Văn phòng Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**23 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.795.404.143.311)	282.053.139.423
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	4.120.891.160	4.120.891.160
Số dư cuối kỳ trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.791.283.252.151)	286.174.030.583
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.791.283.252.151)	286.174.030.583
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	10.526.474.618	10.526.474.618
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.780.756.777.533)	296.700.505.201

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND		VND	
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	76.986.992.734	76.986.992.734
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	500.000.000	500.000.000
	<b>77.486.992.734</b>	<b>77.486.992.734</b>

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
USD	5.462,07	7.364.593,80

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	9.716.217.233	9.716.217.233

25 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	933.495.901.366	519.557.804.974
Doanh thu bán hàng	1.617.963.590	8.232.929.488
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.904.656.731	2.568.303.537
	<b>1.003.018.521.687</b>	<b>530.359.037.999</b>



**26 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	935.641.246.315	523.564.760.540
Giá vốn bán hàng	12.920.981.926	18.514.579.798
Giá vốn cung cấp dịch vụ	53.052.398.818	3.566.307.420
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.790.917.844)	(3.785.791.915)
	<b>978.823.709.215</b>	<b>541.859.855.843</b>

**27 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.889.651.270	7.347.104.836
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.348.052.155	25.951.349.511
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	4.275.931.351
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	396.759.060
	<b>29.237.703.425</b>	<b>37.971.144.758</b>

**28 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	4.305.077.369	8.446.758.758
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.387.095.231	30.847.078.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	15.862.732	-
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(12.443.923.725)	12.763.588.422
Chi phí tài chính khác	4.306.924.701	5.121.536.246
	<b>(1.428.963.692)</b>	<b>57.178.961.923</b>

**29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân công	38.778.235.718	35.656.493.265
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	367.867.926	399.887.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.885.897	468.304.960
Thuế, phí và lệ phí	762.092.682	839.429.797
Hoàn nhập dự phòng	(1.301.249.353)	(47.644.885.775)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.045.224.584	9.967.002.762
Chi phí khác bằng tiền	3.930.854.859	5.467.687.610
	<b>49.780.912.313</b>	<b>5.153.920.247</b>

### 30 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	1.886.469.830
Tiền phạt thu được	670.209.634	446.109.187
Nợ phải trả được xóa theo thỏa thuận	7.700.000.000	38.380.782.970
Thu nhập khác	6.139.747	714.921
	<b>8.376.349.381</b>	<b>40.714.076.908</b>

### 31 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	134.023.036	256.001.943
Các khoản bị phạt	910.218.727	-
Tổn thất do đầu tư bất thành Dự án Khu công nghiệp	1.835.100.923	-
Dịch vụ Dầu khí Soái Rạp Tiền Giang - 920 ha		
Các khoản khác	51.099.353	474.628.549
	<b>2.930.442.039</b>	<b>730.630.492</b>

### 32 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	10.526.474.618	4.120.891.160
Các khoản điều chỉnh tăng	3.337.304.080	501.735.485
- Chi phí không được trừ	3.337.304.080	501.735.485
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.863.778.698	4.622.626.645
Chuyển lỗ các năm trước	(13.863.778.698)	(4.622.626.645)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(21.256.556.285)	(21.256.556.285)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	<b>(21.256.556.285)</b>	<b>(21.256.556.285)</b>

### 33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	72.541.885	6.180.455.070
Chi phí nhân công	51.335.413.530	48.945.852.069
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	404.684.281	305.823.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	656.186.785	1.093.546.962
Thuế, phí và lệ phí	1.299.881.369	1.771.138.090
Chi phí dự phòng	(1.301.249.353)	(47.644.885.775)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	366.901.210.168	475.358.837.334
Chi phí khác bằng tiền	8.136.090.434	6.593.764.161
	<b>427.504.759.099</b>	<b>492.604.531.284</b>







Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến 31/12/2025, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại).

**b) Bảo lãnh thanh toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình) (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

**c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ**

Tổng Công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó thanh tra chính phủ kiến nghị:

- Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối,
- Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.



Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTCTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

**d) Công nợ tiềm tàng**

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, ngoài vụ kiện được nêu tại thuyết minh số 16, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

**35 THÔNG TIN KHÁC**

**a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng công ty thi công**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2**

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTG-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang tiến hành rà soát khối lượng và các công việc đã thực hiện với Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 cũng như các nhà thầu phụ để chuẩn bị cho công tác quyết toán dự án. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này và số liệu dự toán này luôn được kiểm toán và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

**Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1**

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp

đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được kỳ kết bổ sung.

**b) Thông tin tái cơ cấu Tổng công ty**

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025.

**36 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngoài sự kiện ngày 31/01/2026, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-XLDK Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng 3.400 m<sup>2</sup> đất của Tổng công ty tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20 tại thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ) đã được công bố tại thuyết minh số 04 mục c, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.

**37 THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP KHÁC CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY**

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>			
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT	2.284.460.076	2.207.775.913
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	573.551.443	545.647.303
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	247.440.000	244.285.000
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT	500.481.311	479.906.106
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	479.537.200	466.008.070
		483.450.122	471.929.434
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2024)	2.111.886.132	2.014.722.793
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2024)	572.557.253	449.814.957
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	-	109.537.217
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc	521.417.825	507.748.575
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	524.770.280	464.890.490
		493.140.774	482.731.554



Chức vụ		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>686.187.065</b>	<b>506.218.999</b>
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	454.099.420	441.418.999
Bà La Minh Huệ	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 29/05/2025)	172.687.645	-
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29/05/2025)	16.200.000	32.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	43.200.000	32.400.000

### 38 SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Do Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 dẫn đến Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm đi 49.774.182.005 VND. Từ đó, Tổng Công ty xác định cần điều chỉnh lại khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn từ các năm trước. Cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính riêng năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND
<b>Bảng cân đối kế toán riêng</b>				
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(1.796.242.246.766)	(1.821.593.467.897)	(25.351.221.131)
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(3.770.052.922.180)	(3.795.404.143.311)	(25.351.221.131)



**Vũ Thị Châm**  
Người lập biểu

←



**Vũ Minh Công**  
Kế toán trưởng

**Trần Quốc Hoàn**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	08 - 65
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 65



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên	
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Quốc Hoàn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quốc Hoàn (Tổng Giám đốc).

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban	(Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên	
Bà La Minh Huệ	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29 tháng 05 năm 2025)

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Quốc Hoàn**

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam ("Tổng Công ty") được lập ngày 31 tháng 03 năm 2026, từ trang 08 đến trang 65, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến**

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.035,98 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.438,38 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 1.486,37 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 1.631,68 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này cùng với các nội dung tại thuyết minh số 1 dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty CP Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.



3. Tại ngày 31/12/2025, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 234,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2025 và ngày 01/01/2025. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước. Tại ngày 31/12/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí số tiền là 3,88 tỷ VND. Tại ngày 01/01/2025, Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang tổng số tiền là 5,72 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024 do Công ty này tự lập (trong đó: Tại ngày 30/06/2024 Tổng tài sản là 15,16 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 193,44 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ 6 tháng đầu năm 2024 lần lượt là 0,09 tỷ VND và âm 0,53 tỷ VND). Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.
6. Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 175,995 tỷ VND và 155,39 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025 lần lượt là 196,995 tỷ VND và 155,39 tỷ VND), dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.
7. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2025 và tại ngày 31/12/2025 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.
8. Cũng tại Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết, tuy nhiên không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán để khẳng định được tính chính xác và giá trị có thể thu hồi được của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty này tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 với tổng số tiền lần lượt là 33,647 tỷ VND và 31,148 tỷ VND. Do đó, chúng tôi chưa xác định được các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" và những khoản mục khác có liên quan cũng như những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đối với Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
9. Tại ngày 31/12/2025, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty CP Dầu khí Đồng Đô (Công ty con) bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 58,80 tỷ VND (tại ngày 01/01/2025: 55,36 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.



10. Tại Công ty CP Dầu khí Đồng Đô (Công ty con), Các khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 với giá trị lần lượt là 25,88 tỷ VND và 23,40 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2025 và 31/12/2025 với giá trị lần lượt là: 15,83 tỷ VND và 22,49 tỷ VND. Các khoản nợ phải thu chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2025 là 64,19 tỷ VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.
11. Cũng tại Công ty CP Dầu khí Đồng Đô (Công ty con), tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025, Công ty đang theo dõi khoản phải trả cổ tức năm 2011 số tiền là 25 tỷ VND (xem thuyết minh 22). Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (Nghị quyết số 23/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2012) với tỷ lệ cổ tức là 5% Vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện chốt danh sách cổ đông và chi trả phần cổ tức này. Chúng tôi chưa thể đánh giá nghĩa vụ của Công ty về khoản Cổ tức này.
12. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi đã không thể thu thập được các tài liệu cần thiết có liên quan đến một số hạng mục thuộc Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về sự phù hợp của doanh thu, giá vốn đã ghi nhận lũy kế đến ngày 31/12/2025 với tổng giá trị lần lượt là 693,96 tỷ VND và 922,11 tỷ VND (trong đó giá trị doanh thu, giá vốn đã được Công ty ghi nhận trong năm nay lần lượt là 987 triệu VND và 987 triệu VND); chưa đánh giá được sự phù hợp và đầy đủ của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến các hạng mục nêu trên tại ngày 31/12/2025 và 01/01/2025 với giá trị lần lượt là 146,47 tỷ VND và 146,25 tỷ VND, cũng như ảnh hưởng của các vấn đề này tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.
13. Số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con) bao gồm giá trị dở dang của dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ với giá trị là 32,99 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2018 nhưng đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này vẫn chưa được phê duyệt quyết toán dự án. Cũng tại khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, Công ty chưa xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của các dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1 với giá trị sổ sách lần lượt là 81,45 tỷ VND và 40,85 tỷ VND.
14. Tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con), Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi đối với khoản phải thu dài hạn Hợp tác Dự án chung cư Long Sơn Riverside số tiền là 12,89 tỷ VND (Thuyết minh 16) đã hoàn thành từ năm 2019.
15. Cũng tại Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, cụ thể: các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 4,21 tỷ VND và 3,29 tỷ VND; các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 21,27 tỷ VND và 18,78 tỷ VND.
16. Tại Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (Công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025, cụ thể: các khoản nợ phải trả với giá trị lần lượt là 15,55 tỷ VND và 18,64 tỷ VND; các khoản nợ phải thu với giá trị lần lượt là 10,31 tỷ VND và 10,82 tỷ VND. Giá trị các khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 01/01/2025 và ngày 31/12/2025 lần lượt là 131,89 tỷ VND và 130,49 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá trích lập dự phòng.

#### **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến nào về các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**Nguyễn Duy Quảng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3363-2025-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>3.952.010.638.494</b>	<b>4.611.664.998.814</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>216.258.196.695</b>	<b>433.474.223.994</b>
111	1. Tiền		120.610.628.129	255.791.531.076
112	2. Các khoản tương đương tiền		95.647.568.566	177.682.692.918
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>299.737.148.504</b>	<b>254.505.326.478</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.900.000.000	14.900.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		298.722.148.504	253.490.326.478
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.049.438.289.435</b>	<b>1.957.524.578.173</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.653.714.479.152	1.663.260.397.192
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	614.457.863.572	570.160.345.945
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	355.676.953.493	355.676.953.493
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	485.010.604.849	419.600.886.765
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.060.263.012.651)	(1.052.014.338.142)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		841.401.020	840.332.920
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>1.296.303.009.831</b>	<b>1.817.989.197.656</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.435.183.096.598	1.937.818.905.304
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(138.880.086.767)	(119.829.707.648)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>90.273.994.029</b>	<b>148.171.672.513</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.255.522.428	3.443.165.122
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		54.417.778.958	110.091.427.591
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	34.600.692.643	34.637.079.800

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*  
*(Tiếp theo)*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.141.944.580.633</b>	<b>1.509.221.766.538</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>27.266.262.226</b>	<b>28.744.401.590</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	9.262.236.011
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	27.266.262.226	28.567.933.637
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(9.085.768.058)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>983.292.048.099</b>	<b>1.019.336.731.121</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	731.994.415.442	767.327.869.072
222	- Nguyên giá		1.618.057.605.919	1.626.973.749.975
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(886.063.190.477)	(859.645.880.903)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	251.297.632.657	252.008.862.049
228	- Nguyên giá		269.672.024.444	274.650.242.344
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.374.391.787)	(22.641.380.295)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>106.690.395.945</b>	<b>85.507.988.185</b>
231	- Nguyên giá		135.326.253.059	111.067.844.188
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.635.857.114)	(25.559.856.003)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>145.993.608.656</b>	<b>138.515.570.946</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		36.044.435.616	25.064.213.539
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		109.949.173.040	113.451.357.407
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>764.510.074.315</b>	<b>78.900.512.009</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		29.132.971.817	32.208.529.511
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		185.313.000.000	206.313.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(159.621.017.502)	(159.621.017.502)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		709.685.120.000	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>114.192.191.392</b>	<b>158.216.562.687</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	88.065.323.809	100.284.708.167
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	35	13.229.667.583	18.801.350.080
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	12.897.200.000	39.130.504.440
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>6.093.955.219.127</b>	<b>6.120.886.765.352</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025*  
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	(đã điều chỉnh) VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>5.613.950.796.674</b>	<b>5.641.651.070.373</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>5.438.381.719.533</b>	<b>5.437.620.269.856</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	3.086.872.810.043	3.267.033.909.932
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	263.139.941.973	232.242.459.037
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	101.123.640.350	125.235.476.617
314	4. Phải trả người lao động		74.364.954.892	48.701.521.223
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	570.970.124.293	453.154.875.592
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	3.194.386.718	6.249.109.721
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	600.945.371.006	614.469.088.864
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	24	736.114.733.940	694.791.647.252
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	23	5.911.574.700	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(4.255.818.382)	(4.257.818.382)
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>175.569.077.141</b>	<b>204.030.800.517</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	115.497.608.588	115.497.608.588
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	45.522.199.903	50.831.503.317
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	2.549.268.650	2.923.199.868
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	24	12.000.000.000	24.000.000.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	23	-	10.778.488.744
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>480.004.422.453</b>	<b>479.235.694.979</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>25</b>	<b>480.004.422.453</b>	<b>479.235.694.979</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.831.719.482	6.831.719.482
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.681.220.411	22.681.220.411
415	4. Cổ phiếu quỹ		(29.720.195)	(29.720.195)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		150.859.427.814	150.859.427.814
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		233.648.426	233.648.426
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(4.035.975.171.212)	(4.023.784.000.841)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(4.023.784.000.841)	(4.031.153.886.036)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		(12.191.170.371)	7.369.885.195
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		335.403.297.727	322.443.399.882
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>6.093.955.219.127</b>	<b>6.120.886.765.352</b>



Nguyễn Thị Thu Anh  
Người lập biểu



Vũ Minh Công  
Kế toán trưởng

  
TỔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY LẮP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM  
Trần Quốc Hoàn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Năm 2025**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	2.208.452.774.951	1.213.006.106.954
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.208.452.774.951	1.213.006.106.954
11	3. Giá vốn hàng bán	28	2.078.099.951.608	1.161.337.416.194
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.352.823.343	51.668.690.760
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	29	43.660.493.111	42.871.334.402
22	6. Chi phí tài chính	30	41.424.853.892	63.779.127.190
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		33.514.834.197	36.198.593.108
24	7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(3.075.557.694)	(904.837.501)
25	8. Chi phí bán hàng		5.171.808.651	2.074.093.980
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	129.696.811.377	74.129.955.136
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.355.715.160)	(46.347.988.645)
31	11. Thu nhập khác	32	21.905.976.755	62.899.113.840
32	12. Chi phí khác	33	9.036.492.994	11.743.521.972
40	13. Lợi nhuận khác		12.869.483.761	51.155.591.868
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.513.768.601	4.807.603.223
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	1.173.358.630	2.077.618.123
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	5.571.682.497	116.962.081
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>768.727.474</u>	<u>2.613.023.019</u>
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		(12.191.170.371)	7.369.885.195
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		12.959.897.845	(4.756.862.176)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	(30)	18

Nguyễn Thị Thu Anh  
Người lập biểu

Vũ Minh Công  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Hoàn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**Năm 2025**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>7.513.768.601</b>	<b>4.807.603.223</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		40.289.235.931	39.785.216.032
03	- Các khoản dự phòng		1.966.287.890	(100.588.459.527)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.193.998.381	(4.169.787.846)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.128.822.038)	(15.713.639.682)
06	- Chi phí lãi vay		33.514.834.197	36.198.593.108
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>73.349.302.962</b>	<b>(39.680.474.692)</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(9.964.302.956)	126.676.626.746
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		505.144.670.265	125.374.406.428
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(84.432.666.859)	(69.001.830.745)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		14.407.027.052	10.032.760.183
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.324.948.598)	(1.064.453.316)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(37.954.648)	(497.536.232)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.072.300.000	1.215.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.903.000.000)	(1.244.200.000)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>495.310.427.218</b>	<b>151.810.298.372</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.068.677.225)	(74.871.289.249)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.044.118.636	16.703.561.704
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(861.496.942.026)	(248.251.366.478)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		106.580.000.000	304.873.589.041
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.110.205.683	12.160.940.711
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(741.831.494.932)</b>	<b>10.615.435.729</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		95.755.285.291	100.137.532.071
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(66.432.198.603)	(148.788.933.736)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>29.323.086.688</b>	<b>(48.651.401.665)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**Năm 2025**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**  
**(Tiếp theo)**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(217.197.981.026)	113.774.332.436
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		433.474.223.994	315.530.103.712
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(18.046.273)	4.169.787.846
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>216.258.196.695</u>	<u>433.474.223.994</u>



Nguyễn Thị Thu Anh  
Người lập biểu



Vũ Minh Công  
Kế toán trưởng




Trần Quốc Hoàn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Năm 2025**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 23 ngày 13 tháng 11 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: Tầng 14, tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, tương ứng 400.000.000 cổ phần, mệnh giá 01 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 140 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 154 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Trong năm, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với tỷ lệ lỗ gộp dự kiến là 0,67% theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Doanh thu năm nay tăng mạnh trên các loại hình, cụ thể:

- Doanh thu bán hàng tăng do trong năm Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) đã thực hiện cung cấp vật liệu xây dựng như thép, màng chống thấm, xi măng cho các dự án của Công ty CP GeoVietnam (ghi nhận 95,88 tỷ VND);
- Doanh thu từ hoạt động xây lắp tăng mạnh do Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang trong giai đoạn cuối chuẩn bị quyết toán, trong năm Tổng Công ty đang gấp rút nghiệm thu các hạng mục lớn còn lại với chủ đầu tư. Cùng với đó, tại Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) doanh thu hoạt động xây lắp cũng ghi nhận tăng trưởng mạnh do thực hiện nhiều hạng mục lớn tại các Dự án Lô B - Ô Môn, Lạc Đà Vàng, ONGC WPAPP - DSF-II - Ấn Độ.
- Doanh thu dịch vụ tăng do Công ty mẹ ghi nhận khoản doanh thu về tiền điện chạy thử tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

### **Áp dụng giả định về Hoạt động liên tục:**

Tại ngày 31/12/2025, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 4.035,98 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.438,38 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 1.486,37 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2025 là 1.631,68 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2025 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Một số Báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty cũng tồn tại nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục như: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình, Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Đến nay, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam phê duyệt phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư, Tổng Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển Tổng Công ty trình Tập đoàn phê duyệt. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang quyết liệt thực hiện các giải pháp khắc và tin tưởng rằng các giải pháp này sẽ thành công và Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

### **Cấu trúc tập đoàn**

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Hưng Yên	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	TP HCM	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	48,62%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đồng Đô	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	TP HCM	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	TP HCM	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty CP Dầu khí Đồng Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

## **2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.



Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Tổng Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, riêng Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) được hợp nhất theo số liệu báo cáo tài chính quý II năm 2024.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

### *Lợi ích của cổ đông không kiểm soát*

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

## **2.4 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Dự phòng phải trả;
- Mức phân bổ các loại chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.



Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá là hợp lý.

## **2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## **2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

## **2.8 Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Thông tin tài chính về những khoản góp vốn liên doanh" và "Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết".*

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Tổng Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong năm, Tổng Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

*Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:*

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.9 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.



Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **2.10 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.11 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị khác	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	04 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê đất
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## **2.12 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.



Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 25 - 38 năm

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### **2.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

#### **2.14 Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### **2.15 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, các BCC của Tổng Công ty là BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, kế toán tiếp tục thực hiện:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

#### **2.16 Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

*Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:*

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

#### **2.17 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### **2.18 Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### **2.19 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### **2.20 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.



## **2.21 Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

## **2.22 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

## **2.23 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

## **2.24 Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**2.25 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**2.26 Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.27 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

*Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

*Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**2.28 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

**2.29 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.30 Thông tin bộ phận**

Do Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	4.021.433.244	5.238.205.288
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	116.589.194.885	250.553.325.788
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.743.027.762	13.978.111.303
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	461.414.901	2.254.370.501
- Các ngân hàng khác	114.384.752.222	234.320.843.984
Các khoản tương đương tiền (i)	95.647.568.566	177.682.692.918
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	-	4.200.000.000
- Các ngân hàng khác	95.647.568.566	173.482.692.918
	<b>216.258.196.695</b>	<b>433.474.223.994</b>
<b>Trong đó số dư với các bên liên quan</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.743.027.762	18.178.111.303
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.743.027.762	13.978.111.303
- Các khoản tương đương tiền	-	4.200.000.000

- (i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị 95.647.568.566 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,6%/năm đến 4,1%/năm.



#### 4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	298.722.148.504	-	253.490.326.478	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	40.800.000.000	-	35.780.000.000	-
- Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	45.316.000.000	-	45.316.000.000	-
- Các ngân hàng khác	212.606.148.504	-	172.394.326.478	-
	<b>298.722.148.504</b>	<b>-</b>	<b>253.490.326.478</b>	<b>-</b>
<b>Đầu tư dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	709.685.120.000	-	-	-
	<b>709.685.120.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Trong đó số dư với các bên liên quan</b>				
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	40.800.000.000	-	35.780.000.000	-

- (i) Tại ngày 31/12/2025, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 298.722.148.504 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 2,9 %/năm đến 6,12 %/năm.

Trong đó:

- Các khoản tiền có giá trị 189.037.688.190 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng này (Xem thuyết minh 24);
- Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 45,3 tỷ VND gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản tiền này sẽ được chi trả khi có chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất.

- (ii) Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 36 tháng có giá trị 28.180.000 USD được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông với lãi suất 0%/năm.

##### b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>14.900.000.000</b>	<b>(13.885.000.000)</b>	<b>14.900.000.000</b>	<b>(13.885.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Thiết bị	14.600.000.000	(13.885.000.000)	14.600.000.000	(13.885.000.000)
Nội ngoại thất Dầu khí				
Các khoản khác	300.000.000	-	300.000.000	-
	<b>14.900.000.000</b>	<b>(13.885.000.000)</b>	<b>14.900.000.000</b>	<b>(13.885.000.000)</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**c) Đầu tư vào công ty liên kết**

	Mã CK	Địa chỉ	31/12/2025				01/01/2025			
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	%	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	%
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC		Hà Nội	44,00	44,00	-	44,00	44,00	44,00	-	44,00
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	PID	Hà Nội	49,98	49,98	-	49,98	49,98	49,98	-	49,98
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	PVA	Nghệ An	22,64	22,64	-	22,64	22,64	22,64	-	22,64
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72	24,72	-	24,72	24,72	24,72	-	24,72
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		Hải Phòng	42,46	42,46	28.574.743,188	42,46	42,46	42,46	31.417.598,211	42,46
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		Hà Nội	97,22	35,00	558.228,629	97,22	97,22	35,00	790.931,300	35,00
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)		Hà Nội	35,83	35,83	-	35,83	35,83	35,83	-	35,83
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí		Hà Nội	40,00	40,00	-	40,00	40,00	40,00	-	40,00
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	Thanh Hóa	36,00	36,00	-	36,00	36,00	36,00	-	36,00
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh		Thanh Hóa	35,01	43,16	-	35,01	35,01	43,16	-	43,16
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	Đà Nẵng	48,27	48,27	-	48,27	48,27	48,27	-	48,27
					<b>29.132.971,817</b>				<b>32.208.529,511</b>	

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31/12/2025 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Tại ngày 31/12/2025, giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết được Tổng Công ty đánh giá giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị thu thập được tại thời điểm gần nhất.

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên kết trong năm: Chi tiết xem tại Thuyết minh 42.

**Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Xi măng Hạ Long (ii)	147.300.000.000	(147.300.000.000)	147.300.000.000	(147.300.000.000)
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (ii)	2.500.000.000	(1.200.936.821)	23.500.000.000	(1.200.936.821)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (i)	12.500.000.000	(1.488.246.800)	12.500.000.000	(1.488.246.800)
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (ii)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (ii)	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-
- Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (ii)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (ii)	5.400.000.000	(5.400.000.000)	5.400.000.000	(5.400.000.000)
- Các khoản đầu tư dài hạn khác (ii)	9.318.000.000	(4.231.833.881)	9.318.000.000	(4.231.833.881)
	<u>185.313.000.000</u>	<u>(159.621.017.502)</u>	<u>206.313.000.000</u>	<u>(159.621.017.502)</u>

(ii) Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dư phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là 185,31 tỷ VND và khoảng 159,62 tỷ VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025: khoảng 159,62 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính năm 2025 và năm 2024 được kiểm toán của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư khác, do đó dư phòng đầu tư tài chính đang được trích theo báo cáo tài chính các năm trước của các Công ty này.

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



(\*) Giá trị khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc ("PVC Kinh Bắc") tại 01/01/2025 là 23,5 tỷ VND bao gồm 2 phần:

- Số tiền 2,5 tỷ VND vốn góp phát sinh trước năm 2010 chiếm tỷ lệ 5% trên số vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc lúc này là 50 tỷ VND; và
- Số tiền 21 tỷ VND phát sinh năm 2010 hình thành từ vụ việc bù trừ công nợ với số tiền Tổng Công ty đã ứng cho PVC Kinh Bắc phục vụ hợp đồng xây lắp, lúc này vốn điều lệ của PVC Kinh Bắc là 150 tỷ VND. Số tiền này, PVC Kinh Bắc được xác định đã dùng để mua 3.400 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc ("lô đất tại Tam Đảo"), sau đó chuyển nhượng lại cho Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương ("Mai Phương").

Theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 đã kết luận:

- Vụ việc ứng tiền thi công cho công ty PVC Kinh Bắc là sai quy định, trả lại lô đất tại Tam Đảo cho Tổng Công ty;
- Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc sẽ được các bên có liên quan tự giải quyết, nếu có yêu cầu sẽ xử lý ở vụ kiện dân sự khác.

Ngày 01/06/2022, Cục trưởng Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đã ra Quyết định thi hành án số 905/QĐ-CTHSDS bản án nêu trên.

Ngày 27/09/2024, Tổng Công ty đã nhận bàn giao Quyền sử dụng 3.400 m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 20, thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương.

Ngày 27/06/2025, Tổng Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Ngày 24/09/2025, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-XLKD về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc và ghi tăng tài sản đối với thửa đất tại xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ. Do đó, tại ngày 31/12/2025, giá trị khoản vốn góp của Tổng Công ty tại PVC - Kinh Bắc còn lại 2.500.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 1,67%.

Ngày 31/01/2026, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-XLKD Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng 3.400 m<sup>2</sup> đất của Tổng công ty tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20 tại thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ). Theo đó, Khu đất có diện tích 3.400 m<sup>2</sup> được đưa ra đấu giá công khai với mức khởi điểm 210.633.400.000 VND (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng).



**Đầu tư vào đơn vị khác**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ Long	Quảng Ninh	7,58%	7,58%	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm xi măng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	1,67%	1,67%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Trị	3,99%	3,99%	Xây dựng dân dụng, đầu tư, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Ninh Bình	5,00%	5,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Tư vấn thi công xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	Hà Nội	7,25%	7,25%	Xây lắp

**Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>1.198.425.713.302</b>	<b>(157.826.033.909)</b>	<b>1.267.201.651.433</b>	<b>(157.219.916.726)</b>
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.549.727.139	-	5.548.525.269	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	786.064.069.692	-	881.154.608.947	-
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	44.066.850.827	-	5.862.270.296	-
Viện Dầu khí Việt Nam	30.336.867.228	(747.531.048)	36.963.772.960	(747.531.048)
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	-	50.006.385.426	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	(91.619.056.480)	91.619.056.480	(91.619.056.480)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.073.811.922	(200.156.144)	23.291.878.505	(200.156.144)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.858.853.155	(27.158.853.155)	27.858.853.155	(27.158.853.155)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	(1.518.493.750)	6.097.621.800	(1.518.493.750)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	-	16.811.955	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	37.060.810.724	(23.936.985.990)	41.635.737.524	(23.330.868.807)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	23.115.000	-	23.115.000	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	532.785.009	(532.785.009)	532.785.009	(532.785.009)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.518.282.409	(9.518.282.409)	9.518.282.409	(9.518.282.409)
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	(366.052.500)	366.052.500	(366.052.500)
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	66.506.774.610	-	16.235.738.266	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	-	50.742.318.506	-
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	62.166.603	(62.166.603)	2.000.000.002	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.670.821	(2.165.670.821)	62.166.603	(62.166.603)
			2.165.670.821	(2.165.670.821)
<b>Bên khác</b>	<b>455.288.765.850</b>	<b>(116.562.118.704)</b>	<b>396.058.745.759</b>	<b>(118.331.077.589)</b>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	57.841.498.305	-	69.049.973.934	-
Các đối tượng khác	397.447.267.545	(116.562.118.704)	327.008.771.825	(118.331.077.589)
	<b>1.653.714.479.152</b>	<b>(274.388.152.613)</b>	<b>1.663.260.397.192</b>	<b>(275.550.994.315)</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**  
Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngân hạn</b>				
<b>Bên liên quan</b>				
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	249.019.312.075	(173.664.818.848)	249.019.312.075	(173.664.818.848)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	54.324.395.257	(26.196.864.426)	54.324.395.257	(26.196.864.426)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	229.674.800	(160.772.360)	229.674.800	(160.772.360)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí	11.617.459.964	(11.617.459.964)	11.617.459.964	(11.617.459.964)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.418.342.062	-	3.418.342.062	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thủy phía Nam	28.268.366.989	(26.744.518.395)	28.268.366.989	(26.744.518.395)
	42.215.869.300	-	42.215.869.300	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	80.284.927	(80.284.927)	80.284.927	(80.284.927)
<b>Bên khác</b>				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	365.438.551.497	(145.491.378.754)	321.141.033.870	(137.499.948.253)
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	120.028.310.242	(24.497.588.138)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Các đối tượng khác	10.558.466.443	(3.236.726.458)	14.556.466.443	(3.236.726.458)
	234.853.774.812	(117.757.064.158)	193.197.687.686	(116.407.064.158)
	<b>614.457.863.572</b>	<b>(319.156.197.602)</b>	<b>570.160.345.945</b>	<b>(311.164.767.101)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	-	-	6.641.430.501	(6.641.430.501)
Các đối tượng khác	-	-	2.620.805.510	(2.444.337.557)
	-	-	<b>9.262.236.011</b>	<b>(9.085.768.058)</b>

**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGÂN HẠN**

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>						
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (ii)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	-	128.357.292.532	(128.357.292.532)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	16.321.991.226	(5.461.481.782)	-	-	16.321.991.226	(5.461.481.782)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	<b>355.676.953.493</b>	<b>(269.172.594.052)</b>	-	-	<b>355.676.953.493</b>	<b>(269.172.594.052)</b>

(i) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

(ii) Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (Oceanbank - nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần.

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.



**8 PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về lãi tiền gửi	3.880.131.484	-	2.994.975.148	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.750.990.000	(6.750.990.000)	6.750.990.000	(6.750.990.000)
Phải thu về tạm ứng	67.113.267.284	(6.602.653.657)	48.314.987.793	(3.630.344.555)
Ký cược, kỳ quỹ	46.236.200.620	-	4.158.250.243	-
Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	115.369.622.286	(27.733.568.215)	109.513.848.523	(27.733.568.215)
Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
Phí trong tài quốc tế chưa có phán quyết (ii)	4.889.875.320	-	4.889.875.320	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
Phải thu các đối xây dựng	16.819.381.673	(16.819.381.673)	16.819.381.673	(16.819.381.673)
Quỹ Khen thưởng phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	(4.917.824.644)	4.917.824.644	(4.917.824.644)
Phải thu khác	149.848.603.136	(65.978.407.643)	152.056.045.019	(67.530.631.035)
	<b>485.010.604.849</b>	<b>(197.546.068.384)</b>	<b>419.600.886.765</b>	<b>(196.125.982.674)</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, kỳ quỹ	24.052.800.501	-	23.954.471.912	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	3.213.481.725	-	4.613.461.725	-
	<b>27.266.282.226</b>	<b>-</b>	<b>28.567.933.637</b>	<b>-</b>

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>c) Trong đó: Bền liên quan</b>				
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	59.131.387.608	(3.778.366.082)	56.894.768.733	(3.778.366.082)
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	51.964.023.259	(6.138.310.290)	48.630.948.027	(6.138.310.290)
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	(4.742.067.735)	6.840.056.555	(4.742.067.735)
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	(3.899.613.813)	5.360.238.712	(3.899.613.813)
- Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	33.584.659.686	(33.584.659.686)	33.584.659.686	(33.584.659.686)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	(8.125.138.911)	20.507.270.308	(8.125.138.911)
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.727.967.044	-	2.441.887.388	-
- Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	2.008.154.052	(2.008.154.052)	2.008.154.052	(2.008.154.052)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	368.366.166	-	368.366.166	-
- Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	274.000.624	-	274.000.624	-
- Viện Dầu khí Việt Nam	124.742.000	-	124.742.000	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	(28.795.218.993)	28.795.218.993	(28.795.218.993)
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	1.669.212.234	-	1.669.212.234	-
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	417.223.063	-	1.920.077.263	-
	<b>213.772.520.304</b>	<b>(91.071.529.562)</b>	<b>209.419.600.741</b>	<b>(91.071.529.562)</b>

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 39).

(ii) Khoản phí trọng tài này được nộp tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) nhằm phục vụ cho việc đề trình Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd, liên quan đến vụ tranh chấp trọng tài số 05/24 VIAC giữa Tổng Công ty và Công ty DL E&C Co., Ltd (xem thuyết minh số 17). Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã gửi Đơn kiện lại Công ty DL E&C Co., Ltd tới VIAC và nộp khoản phí trọng tài theo thông báo của VIAC, yêu cầu Hội đồng trọng tài giải quyết các khiếu nại của Tổng Công ty đối với những vi phạm của Công ty DL E&C Co., Ltd trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS. Khoản phí trọng tài này sẽ được Hội đồng trọng tài phân bổ khi lập Phán quyết trọng tài.



**Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**9 NỢ XẤU**

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Giá trị có thể thu hồi VND	VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>a) Phải thu của khách hàng</b>	<b>326.874.680.522</b>	<b>52.486.527.909</b>	<b>328.178.418.416</b>	<b>52.627.424.101</b>
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.619.056.480	-	91.619.056.480	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.158.853.155	-	27.158.853.155	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.073.811.922	22.872.086.778	23.291.878.505	23.091.722.361
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	30.380.282.717	6.443.296.727	25.401.643.107	2.070.774.300
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	29.273.930.682	-	29.273.930.682	-
Công ty CP Tập đoàn Dầu tư Trường Sơn	572.219.050	-	572.219.050	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	2.165.670.821	-	2.165.570.821	-
Công ty CP TID	14.604.536.064	12.998.328.937	19.604.536.064	17.448.428.851
Các đối tượng khác	90.026.319.631	10.172.815.467	91.090.730.552	10.016.498.589
<b>b) Trả trước cho người bán</b>	<b>353.958.546.730</b>	<b>34.802.349.128</b>	<b>355.052.884.287</b>	<b>34.802.349.128</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	31.212.207.481	6.714.619.343	31.212.207.481	6.714.619.343
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	-	108.864.918.776	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.617.459.964	-	11.617.459.964	-
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	47.905.728.732	21.708.864.306	47.905.728.732	21.708.864.306
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	-	26.744.518.395	-
Công ty CP Vinaconex 39	34.069.058.988	1.057.959.818	34.069.058.988	1.057.959.818
Công ty CP Tập đoàn Dầu tư Trường Sơn	29.923.230.049	100.965.000	29.923.230.049	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Các đối tượng khác	37.444.750.526	5.219.940.661	38.539.088.083	5.219.940.661

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc		Giá gốc	
	VND	Giá trị có thể thu hồi VND	VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>c) Phải thu về cho vay</b>	<b>355.676.953.493</b>	<b>86.504.359.441</b>	<b>355.676.953.493</b>	<b>86.504.359.441</b>
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	75.643.849.997	200.000.000.000	75.643.849.997
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	128.357.292.532	-	128.357.292.532	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	16.321.991.226	10.860.509.444	16.321.991.226	10.860.509.444
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	-	10.997.669.735	-
<b>d) Phải thu khác ngắn hạn</b>	<b>229.582.595.987</b>	<b>32.036.527.603</b>	<b>221.087.755.915</b>	<b>24.961.773.241</b>
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	6.138.310.290	-	6.138.310.290	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	-	28.795.218.993	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	163.889.314	-	163.889.314	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	8.125.138.911	-	8.125.138.911	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	21.447.520.000	17.731.272.367	21.447.520.000	17.731.272.367
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735	4.742.067.735
Công ty CP Vinaconex 39	103.192.384	-	103.192.384	-
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	5.575.990.000	-	5.575.990.000	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	33.584.659.686	-	33.584.659.686	-
Công ty CP Hasky	596.348.696	-	2.196.348.696	-
Công ty CP Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	72.981.411.003	9.563.187.501	62.886.570.931	2.488.433.139
	<b>1.266.092.776.732</b>	<b>205.829.764.081</b>	<b>1.259.996.012.111</b>	<b>198.895.905.911</b>



**10 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	6.205.254.546	(3.090.115.856)	6.465.655.339	(3.169.300.408)
Công cụ, dụng cụ	4.172.928.151	(20.555.000)	4.920.179.637	(641.939.651)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	1.380.938.588.393	(135.769.415.911)	1.867.032.182.874	(104.607.633.381)
Hàng hoá (ii)	43.866.325.508	-	59.400.887.454	(11.410.834.208)
	<b>1.435.183.096.598</b>	<b>(138.880.086.767)</b>	<b>1.937.818.905.304</b>	<b>(119.829.707.648)</b>

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	774.175.769.719	1.400.422.457.557
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	234.057.721.353	245.057.868.468
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu (**)	32.986.594.500	32.986.594.500
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	109.184.687.878	109.132.879.549
Các công trình khác	230.533.814.943	79.432.382.800
	<b>1.380.938.588.393</b>	<b>1.867.032.182.874</b>

(\*) Công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lương hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(\*\*) Đây là phần chi phí dở dang còn lại của hạng mục công trình thuộc dự án Khu phức hợp Thương mại - Dịch vụ - Văn phòng và Căn hộ tại số 33A, Đường 30/4, Phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng từ năm 2019 tuy nhiên chưa được phê duyệt quyết toán.

(ii) Giá trị hàng hóa tồn kho tại 01/01/2025 và 31/12/2025 bao gồm các căn hộ thuộc dự án chung cư khách sạn Dầu khí Thái Bình có giá trị 36.302.881.834 VND do Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình là chủ đầu tư. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của các bất động sản này và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	343.438.142	2.739.278.366
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	912.084.286	703.886.756
	<b>1.255.522.428</b>	<b>3.443.165.122</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	74.883.736.758	77.108.006.166
Chi phí thuê văn phòng	4.167.358.945	5.472.381.608
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.923.424.362	11.290.062.911
Chi phí sửa chữa tài sản	2.305.562.968	5.680.032.353
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.785.240.776	734.225.129
	<b>88.065.323.809</b>	<b>100.284.708.167</b>

**12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	1.195.965.028.491	292.882.481.565	110.421.257.838	27.704.982.081	1.626.973.749.975
Mua trong năm	-	241.640.000	1.340.911.515	202.709.489	1.785.261.004
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.661.699.665	-	-	-	1.661.699.665
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.378.903.545)	(804.001.007)	(2.790.791.302)	(9.973.695.854)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(2.389.408.871)	-	-	-	(2.389.408.871)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.195.237.319.285</b>	<b>286.745.218.020</b>	<b>110.958.168.346</b>	<b>25.116.900.268</b>	<b>1.618.057.605.919</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	446.854.077.643	276.299.653.562	109.026.573.665	27.465.576.033	859.645.880.903
Khấu hao trong năm	28.452.392.966	8.421.003.687	324.756.537	120.614.204	37.318.767.394
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.378.903.545)	(804.001.007)	(2.790.791.302)	(9.973.695.854)
Chuyển sang BĐS đầu tư	(927.761.966)	-	-	-	(927.761.966)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>474.378.708.643</b>	<b>278.341.753.704</b>	<b>108.547.329.195</b>	<b>24.795.398.935</b>	<b>886.063.190.477</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	749.110.950.848	16.582.828.003	1.394.684.173	239.406.048	767.327.869.072
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>720.859.610.642</b>	<b>8.403.464.316</b>	<b>2.410.839.151</b>	<b>321.501.333</b>	<b>731.994.415.442</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 332.296.099.913 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 374.037.139.512 VND VND);

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 392.980.692.168 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 401.187.220.987 VND).



### 13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	253.189.029.962	21.461.212.382	274.650.242.344
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>253.189.029.962</b>	<b>16.482.994.482</b>	<b>269.672.024.444</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm (đã điều chỉnh)	2.411.211.376	20.230.168.919	22.641.380.295
Khấu hao trong năm	110.942.046	600.287.346	711.229.392
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.522.153.422</b>	<b>15.852.238.365</b>	<b>18.374.391.787</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	250.777.818.586	1.231.043.463	252.008.862.049
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>250.666.876.540</b>	<b>630.756.117</b>	<b>251.297.632.657</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 14.593.074.482 VND (tại ngày 01/01/2025 là 19.571.292.382 VND).

### 14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

#### a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	111.067.844.188	111.067.844.188
Tăng do phân loại từ tài sản cố định hữu hình	2.389.408.871	2.389.408.871
Giảm do phân loại sang hàng tồn kho	(2.220.000.000)	(2.220.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>111.237.253.059</b>	<b>111.237.253.059</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	25.559.856.003	25.559.856.003
Khấu hao trong năm	2.259.239.145	2.259.239.145
Tăng do phân loại từ tài sản cố định hữu hình	927.761.966	927.761.966
Giảm do phân loại sang hàng tồn kho	(111.000.000)	(111.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>28.635.857.114</b>	<b>28.635.857.114</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	85.507.988.185	85.507.988.185
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>82.601.395.945</b>	<b>82.601.395.945</b>

Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư cho thuê dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: tại ngày 31/12/2025 là 41.932.656.596 VND (tại ngày 01/01/2025 là 54.565.800.473 VND).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2025. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư phát sinh trong năm là Quyền sử dụng 3.400 m<sup>2</sup> đất tại xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ có nguyên giá là 24.089.000.000 VND, được thu hồi theo bản án số 412/2021/HSPT ngày 29/09/2021 từ Công ty TNHH Đầu tư Mai Phương (xem thuyết minh 04 mục d). Bất động sản này đang được dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2025. Tuy nhiên, dựa trên giá thị trường của tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
- Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	12.180.083.636	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	7.522.744.186	1.811.134.827	7.922.605.745	2.210.996.386
	<b>71.243.973.580</b>	<b>36.044.435.616</b>	<b>71.643.835.139</b>	<b>25.064.213.539</b>

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty đã thi công tại công trình này.

**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Mua sắm</b>	<b>147.550.832</b>	<b>147.550.832</b>
- Mua sắm tài sản	147.550.832	147.550.832
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>109.801.622.208</b>	<b>113.303.806.575</b>
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp (ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang	-	1.835.100.923
- Các công trình, dự án khác (iii)	2.735.110.962	4.402.194.406
	<b>109.949.173.040</b>	<b>113.451.357.407</b>

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu



khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

16 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Dolphin Plaza	-	26.233.304.440
Góp vốn hợp tác Dự án Long Sơn Riverside (i)	12.897.200.000	12.897.200.000
	<b>12.897.200.000</b>	<b>39.130.504.440</b>

(i) Khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 20/2010/BCC/KT-PIVLS-PETROLAND-PVFC LAND ngày 08/06/2010:

- Các bên tham gia, tỷ lệ, hình thức, tiến độ góp vốn: Công ty CP Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí Long Sơn (IDICO Long Sơn); Công ty CP Xây dựng Thương mại dịch vụ Khang Thông (Khang Thông); Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC - Công ty con của Tổng Công ty) tỷ lệ góp vốn lần lượt là 85%, 5% và 10%;
- Mục đích hợp tác kinh doanh: Hợp tác kinh doanh tài sản đồng kiểm soát là dự án "Chung cư Long Sơn Riverside" tại số 1351 đường Huỳnh Tấn Phát, phường Phú Thuận, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Nội dung hợp tác: kinh doanh phần diện tích căn hộ chung cư, trung tâm thương mại cùng các giá trị tài sản khác hình thành trong quá trình đầu tư, khai thác, kinh doanh dự án;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Các bên tham gia được hưởng lợi nhuận, gánh chịu rủi ro lỗ hoặc các khoản rủi ro kinh doanh trên cơ sở kết quả kinh doanh của Nhà điều hành (IDICO Long Sơn) và theo tỷ lệ góp vốn.

Tại ngày 31/12/2025: dự án đã hoàn thành thi công, mở bán và kinh doanh với phần căn hộ, diện tích sân trung tâm thương mại. Đến thời điểm hiện tại, Do dự án đang vướng thủ tục pháp lý về chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất ở lâu dài nên PVC-IC chưa nhận kết quả phân chia kinh doanh từ Hợp đồng này.



**17 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025 (đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>409.174.635.738</b>	<b>409.174.635.738</b>	<b>410.901.334.379</b>	<b>410.901.334.379</b>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	2.327.001.690	2.327.001.690	7.976.738.009	7.976.738.009
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4.061.951.289	4.061.951.289	4.042.951.289	4.042.951.289
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	32.549.589.904	32.549.589.904	27.903.667.974	27.903.667.974
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	177.049.565.265	177.049.565.265	177.207.065.265	177.207.065.265
Tổng Công ty Thâm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	60.120.064.452	60.120.064.452	60.399.700.035	60.399.700.035
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	14.987.074.805	14.987.074.805	15.291.823.474	15.291.823.474
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522	2.106.049.522
<b>Bên khác</b>	<b>2.677.698.174.305</b>	<b>2.677.698.174.305</b>	<b>2.856.132.575.553</b>	<b>2.844.037.304.732</b>
Công ty DL E&C Co., Ltd (ii)	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304	1.044.419.642.304
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	232.379.768.460	232.379.768.460	206.781.647.084	206.781.647.084
Tập đoàn Sojitz	-	-	111.744.046.642	111.744.046.642
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	153.320.580.538	153.320.580.538	166.965.691.507	166.965.691.507
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	99.180.983.857	99.180.983.857	95.708.461.469	95.708.461.469
Tổng Công ty Ba Son - Công ty TNHH MTV	60.478.955.914	60.478.955.914	60.978.955.914	60.978.955.914
S-Tank Engineering Co.,Ltd	69.232.782.902	69.232.782.902	68.276.803.542	68.276.803.542
Các đối tượng khác	1.018.685.460.330	1.018.685.460.330	1.101.257.327.091	1.089.162.056.270
	<b>3.086.872.810.043</b>	<b>3.086.872.810.043</b>	<b>3.267.033.909.932</b>	<b>3.254.938.639.111</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
Phải trả cho các đối tượng khác	602.523.318.467	602.523.318.467	557.350.620.505	557.350.620.505
	<b>602.523.318.467</b>	<b>602.523.318.467</b>	<b>557.350.620.505</b>	<b>557.350.620.505</b>

- (i) Sở tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (xem Thuyết minh số 39).
- (ii) Ngày 25/01/2024, Công ty DL E&C Co., Ltd đã gửi Đơn khởi kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Việt Nam (VIAC), bắt đầu vụ tranh chấp liên quan đến Hợp đồng EPS số 30/HDKT/2012/PVC-SDC ngày 22/05/2012 giữa Tổng Công ty (nhà thầu chính) và Công ty DL E&C Co., Ltd (nhà thầu phụ).

Các nội dung mà nhà thầu phụ yêu cầu Hội đồng trọng tài xem xét và quyết định như sau: điều kiện cấp Operational Acceptance (chứng chỉ hoàn thành) cho các công việc theo hợp đồng được nhà thầu phụ thực hiện đã thỏa mãn; thời hạn bảo hành đối với các thiết bị và dịch vụ do nhà thầu phụ cung cấp đã kết thúc; Tổng Công ty thanh toán giá trị khoản công nợ quá hạn với tổng số tiền là 7,67 triệu USD và 287,3 triệu VND; thanh toán giá trị tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện Hợp đồng EPS là 13,4 triệu USD và 532,9 triệu VND; hoàn trả chi phí giữ lại cho nghĩa vụ bảo hành là 20,05 triệu USD và 799,3 triệu VND; chi phí do kéo dài thời gian thực hiện dự án là 11,85 triệu USD; khiếu nại liên quan khác là 6,23 triệu USD; ước tính khoản phạt chậm thanh toán là 17,81 triệu USD.

Ngày 31/05/2024, Tổng Công ty đã nộp Bản tự bảo vệ đối với Đơn khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd cho VIAC với các nội dung chính như sau: Tổng Công ty không thừa nhận từ cách khởi kiện của Công ty DL E&C Co., Ltd, phản đối thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp của Hội đồng trọng tài và bác bỏ toàn bộ các khiếu nại nêu trên của Công ty DL E&C Co., Ltd.

Cùng ngày, Tổng Công ty cũng nộp Đơn kiện lại tới VIAC để yêu cầu Công ty DL E&C Co., Ltd bồi thường thiệt hại đối với các vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng EPS với tổng giá trị phân bổ là 17.955,47 triệu VND và 36,64 triệu USD.

Ngày 13/06/2024, VIAC có văn bản số 1722/VIAC thông báo về việc Hội đồng trọng tài đã quyết định tổ chức phiên họp trao đổi về quản lý vụ kiện dự kiến vào đầu tháng 08/2024.

Ngày 14/09/2024, VIAC ký văn bản số 2747/VIAC ban hành Chỉ thị tổ tụng số 1 ("PO No.1") thay mặt cho Tòa án.

Ngày 12/12/2024, VIAC tổ chức phiên điều trần trực tuyến có sự tham gia của những người đại diện của 2 bên nguyên đơn và bị đơn.

Theo PO No.1, ngày 03/02/2025, Tổng Công ty đã đệ trình lên Hội đồng trọng tài Danh sách các vấn đề cần tham vấn ý kiến chuyên gia; và ngày 24/02/2025 đệ trình lên Hội đồng trọng tài Danh sách nhân chứng vụ việc và nhân chứng chuyên gia, Tổng Công ty đã lựa chọn 10 nhân chứng, 02 chuyên gia người Việt về vấn đề Pháp luật Việt Nam về Xây dựng áp dụng đối với Hợp đồng EPS và 01 chuyên gia nước ngoài Bà Frances Hale của Công ty Diales về Hệ thống thái xỉ.

Ngày 19/09/2025, các bên đã hoàn tất việc nộp bản Lời khai người làm chứng cho Hội đồng trọng tài, Tổng Công ty đã lựa chọn nộp bản lời khai cho 5 nhân chứng trong số Danh sách 10 nhân chứng đã đăng ký.

Ngày 27/11/2025, hai bên đã hoàn tất việc nộp Báo cáo chuyên gia cho Hội đồng trọng tài.

Ngày 26/01/2026, hoàn thành Bước 19 nộp Bản phản hồi Lời khai người làm chứng. Tiếp tục chuẩn bị Bước 20 nộp Báo cáo chuyên gia chung về các vấn đề đã thống nhất vào ngày 28/04/2026 - theo tiến độ lịch biểu tổ tụng đã được Hội đồng trọng tài sửa đổi (tại thư số 4852/VIAC ngày 08/12/2025).

Song song với công tác tham gia tổ tụng trọng tài tại VIAC, Tổng Công ty vẫn tiếp tục tiến hành đàm phán để giải quyết các tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải với Nhà thầu Công ty DL E&C Co., Ltd và đề nghị Nhà thầu từ bỏ khiếu kiện nêu trên.



18 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>163.754.168.609</b>	<b>102.354.670.629</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	17.612.939.300	17.612.939.300
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghị Sơn	117.255.185	117.255.185
Chi nhánh Phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	7.630.715.774	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	50.156.167.511	1.000.899.140
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	845.101.105	845.101.105
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	4.613.513.835	-
<b>Bên khác</b>	<b>99.385.773.364</b>	<b>129.887.788.408</b>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	43.797.123.322	63.770.025.034
Các đối tượng khác	55.588.650.042	66.117.763.374
	<b>263.139.941.973</b>	<b>232.242.459.037</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	54.182.602.026	25.250.589.309	37.894.814.132	30.465.765	41.538.377.203
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	1.801.935	1.801.935	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.516.789.923	2.596.625.299	1.173.358.630	37.954.648	34.354.768.750	3.570.008.108
Thuế thu nhập cá nhân	66.785.689	6.354.605.687	8.182.303.903	8.054.133.062	48.219.094	6.464.209.933
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	16.796.024.496	7.008.690.368	17.681.685.927	147.200.611	6.270.229.548
Các loại thuế khác	-	767.032.930	7.752.026.827	7.689.072.802	-	829.986.955
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	3.783.720	44.538.586.179	1.766.073.236	3.850.830.812	783.720	42.450.828.603
	<b>34.637.079.800</b>	<b>125.235.476.617</b>	<b>51.134.844.208</b>	<b>75.210.293.318</b>	<b>34.600.692.643</b>	<b>101.123.640.350</b>

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	226.460.171.614	200.381.246.911
Trích trước chi phí công trình xây lắp	338.502.530.727	246.186.568.775
Chi phí phải trả khác	6.007.421.952	6.587.059.906
	<b>570.970.124.293</b>	<b>453.154.875.592</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Trích trước chi phí công trình xây lắp	115.497.608.588	115.497.608.588
	<b>115.497.608.588</b>	<b>115.497.608.588</b>
<b>c) Trong đó: Bên liên quan</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	149.470.076.555	121.694.660.523
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	17.731.272.367	17.731.272.367
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.647.326.928	1.647.326.928
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	5.782.550.557	5.782.550.557
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	1.125.779.168	1.125.779.168
	<b>175.757.005.575</b>	<b>147.981.589.543</b>

**21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	3.194.386.718	6.249.109.721
	<b>3.194.386.718</b>	<b>6.249.109.721</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	45.522.199.903	50.632.252.045
Lãi bán tài sản và thuê lại thuê tài chính	-	199.251.272
	<b>45.522.199.903</b>	<b>50.831.503.317</b>

(i) Trong đó bao gồm: 39.334.078.836 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty Cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HỢPĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.392 VND. Trong năm, Công ty đã phân bổ thêm 3.662.210.590 VND tiền thuê đất từ tháng 12 năm 2014 đến ngày có Quyết định thu hồi đất số 2668/QĐ-UBND ngày 24/09/2018 của UBND tỉnh Kiên Giang. Tổng Công ty sẽ làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

## 22 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	17.130.137	17.130.137
Kinh phí công đoàn	6.837.321.015	8.590.345.771
Bảo hiểm xã hội	3.452.017.466	7.137.502.411
Bảo hiểm y tế	357.778.754	732.541.283
Bảo hiểm thất nghiệp	407.662.369	485.828.275
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.910.994.188	4.128.850.588
Cổ tức lợi nhuận phải trả (i)	40.394.150.917	40.394.150.917
Chi phí lãi vay	1.314.567.231	1.246.252.165
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	137.942.779.492	137.942.779.492
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (iii)	182.761.658.990	172.784.334.551
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (iv)	54.098.464.510	54.098.464.510
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (v)	56.212.500.000	56.212.500.000
Phí bảo trì chung cư phải trả	10.521.717.166	10.249.210.378
Các quỹ ủng hộ	3.845.584.784	3.876.584.784
Tiền thuê đất	33.044.495.174	32.013.066.565
Phải trả khác	67.826.548.813	84.559.547.037
	<b>600.945.371.006</b>	<b>614.469.088.864</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.499.268.650	2.873.199.868
Phải trả khác	50.000.000	50.000.000
	<b>2.549.268.650</b>	<b>2.923.199.868</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
Phải trả cơ quan bảo hiểm	330.891.655	12.378.319.651
Cổ tức phải trả	40.357.947.640	42.451.440.707
Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.334.818.785	1.334.818.785
Chi phí lãi vay	1.246.252.165	1.246.252.165
Các khoản khác	1.986.271.865	2.108.341.139
	<b>45.256.182.110</b>	<b>59.519.172.447</b>
<b>d) Trong đó: Bên liên quan</b>		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	54.189.129.410	54.098.464.510
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	56.212.500.000	56.212.500.000
Viện Dầu khí Việt Nam	-	2.698.186.687
Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	667.975.776	667.975.776
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	14.715.555	14.715.555
	<b>119.782.007.367</b>	<b>122.389.529.154</b>

(i) Trong đó có 25.000.000.000 VND là tiền cổ tức phải trả của năm 2011 tại Công ty CP Dầu khí Đồng Đô (Công ty con). Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (Nghị quyết số 23/NQ-DKĐĐ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2012) với tỷ lệ cổ tức là 5% Vốn điều lệ. Tuy nhiên, Công ty đã không thực hiện chốt danh sách cổ đông và chi trả phần cổ tức này.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 39.



(iii) Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Oceanbank – nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại) bao gồm chi phí lãi vay của Tổng công ty và chi phí lãi vay mà Tổng công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 7) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 24. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iv) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soái Rạp - Tiền Giang.

(v) Khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư cho Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con của Tổng Công ty) tại dự án Bạc Liêu Tower. Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí có nghĩa vụ phải thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam số tiền này theo hợp đồng ký ngày 12 tháng 8 năm 2010.

## 23 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) <b>Ngắn hạn</b>		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	5.911.574.700	-
	<b>5.911.574.700</b>	<b>-</b>
b) <b>Dài hạn</b>		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	-	10.778.488.744
	<b>-</b>	<b>10.778.488.744</b>





(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2025	01/01/2025
						VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>							
<b>Bên liên quan</b>							
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	VND	Thả nổi	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tin chấp	80.149.496.818	53.826.410.130
						<b>18.954.650.130</b>	<b>20.767.010.130</b>
						18.954.650.130	20.767.010.130
<b>Bên khác</b>							
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông	VND	7,60%	180 ngày	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp	61.194.846.688	33.059.400.000
						42.744.846.688	9.336.400.000
Đối tượng khác	VND	(*)	6 tháng đến 1 năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tin chấp	18.450.000.000	23.723.000.000
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>						<b>655.965.237.122</b>	<b>640.965.237.122</b>
						<b>736.114.733.940</b>	<b>694.791.647.252</b>

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(\*) Các khoản vay đối tượng khác là vay cá nhân có lãi suất từ 0% đến 12%.

(ii) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn như sau:

						VND	VND
						89.295.080.000	89.295.080.000
						89.295.080.000	89.295.080.000
						575.670.157.122	575.670.157.122
						200.000.000.000	200.000.000.000
						65.000.000.000	65.000.000.000
						310.670.157.122	310.670.157.122
						3.000.000.000	-
						667.965.237.122	664.965.237.122
						(655.965.237.122)	(640.965.237.122)
						12.000.000.000	24.000.000.000

<b>Bên liên quan</b>			
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam			
- Hợp đồng số 02/2015/HDDHM/PVB-CNTB	VND	Thả nổi	Năm 2027
Bù đắp vốn đầu tư công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình			
Tin chấp			
<b>Bên khác</b>			
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại (*)			
- Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	4,90%	Năm 2017
Đầu tư vốn vào Công ty CP Khách sạn Lam Kinh			
- Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	4,90%	Năm 2017
Vay đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình			
- Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	5,50%	Năm 2017
Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng			
Tin chấp			
Vay cá nhân	VND	11%-12%	
Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh			
Tin chấp			

<b>667.965.237.122</b>		<b>664.965.237.122</b>
------------------------	--	------------------------

Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(655.965.237.122)	(640.965.237.122)
----------------------------------	-------------------	-------------------

Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	12.000.000.000	24.000.000.000
--------------------------------	----------------	----------------

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(\*) Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại), thời hạn các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.



**Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**25 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng			
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.030.704.785.860)	326.990.811.764	476.862.321.842			
Lãi / lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	7.369.885.195	(4.756.862.176)	2.613.023.019			
Thay đổi khác	-	-	-	-	-	-	(449.100.176)	209.450.294	(239.649.882)			
Số dư cuối kỳ trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.023.784.000.841)	322.443.399.882	479.235.694.979			
Số dư đầu năm nay (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.023.784.000.841)	322.443.399.882	479.235.694.979			
Lãi / lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	(12.191.170.371)	12.959.897.845	768.727.474			
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	233.648.426	(4.035.975.171.212)	335.403.297.727	480.004.422.453			

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ	01/01/2025 VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	54,47%
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	45,53%
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	150.859.427.814	150.859.427.814
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	233.648.426	233.648.426
	<b>151.093.076.240</b>	<b>151.093.076.240</b>

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
USD	10.403,67	7.365.086,17

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.112.006.001	11.112.006.001



**27 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng	118.576.630.058	53.472.991.732
Doanh thu cung cấp dịch vụ	150.518.697.811	73.139.490.403
Doanh thu hoạt động xây lắp	1.916.123.550.321	1.061.700.329.493
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	17.274.694.474	12.443.089.233
Doanh thu khác	5.959.202.287	12.250.206.093
	<b>2.208.452.774.951</b>	<b>1.213.006.106.954</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.208.452.774.951</b>	<b>1.213.006.106.954</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	1.504.123.870.274	847.863.166.887

**28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	122.403.999.303	60.941.589.032
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	117.272.243.311	62.963.286.487
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.814.090.567.098	1.046.095.523.656
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	14.109.383.480	7.540.768.826
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.670.295.483	(25.386.397.265)
Giá vốn khác	2.553.462.933	9.182.645.458
	<b>2.078.099.951.608</b>	<b>1.161.337.416.194</b>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	1.037.318.053	1.854.288.043

**29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.995.362.019	12.228.895.796
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.995.130.859	25.969.748.195
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	4.275.931.351
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	396.759.060
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.670.000.233	-
	<b>43.660.493.111</b>	<b>42.871.334.402</b>

**30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền vay	33.514.834.197	36.198.593.108
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	7.636.363
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.401.460.250	32.431.360.267
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.193.998.381	106.143.505
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(10.087.869.299)
Chi phí tài chính khác	4.314.561.064	5.123.263.246
	<b>41.424.853.892</b>	<b>63.779.127.190</b>
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	27.779.892.856	26.876.666.751

**31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	860.193.951	703.818.133
Chi phí nhân công	86.416.104.757	79.755.631.970
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	993.903.598	845.794.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.608.392.018	3.708.692.400
Thuế, phí và lệ phí	6.744.680.945	7.619.286.748
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(837.093.549)	(55.143.154.547)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.060.336.041	18.662.691.770
Chi phí khác bằng tiền	15.850.293.616	17.977.194.312
	<b>129.696.811.377</b>	<b>74.129.955.136</b>
Trong đó: Chi phí mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	688.990.120	117.600.000

**32 THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.044.118.636	4.389.581.387
Tiền phạt được hưởng	839.799.784	1.325.025.483
Thu tiền bồi thường	-	444.318.134
Nợ phải trả được xóa theo thỏa thuận	14.449.047.351	44.715.422.210
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	4.866.914.044	8.720.524.900
Thu nhập khác	706.096.940	3.304.241.726
	<b>21.905.976.755</b>	<b>62.899.113.840</b>



**33 CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền chậm nộp thuế, bảo hiểm	780.800.413	2.533.444.159
Các khoản bị phạt	3.063.833.420	7.108.413.730
Tổn thất do đầu tư bất thành Dự án Khu công nghiệp	1.835.100.923	-
Dịch vụ Dầu khí Soái Rạp Tiền Giang - 920 ha		
Các khoản khác	3.356.758.238	2.101.664.083
	<b>9.036.492.994</b>	<b>11.743.521.972</b>
Trong đó: Chi phí khác mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	707.718.727	-

**34 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty con	1.173.358.630	2.077.618.123
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	-	727.618.123
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	199.975.821	-
- Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	973.382.809	1.350.000.000
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.173.358.630</b>	<b>2.077.618.123</b>

**35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	13.229.667.583	18.801.350.080
	<b>13.229.667.583</b>	<b>18.801.350.080</b>

**b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5.571.682.497	116.962.081
	<b>5.571.682.497</b>	<b>116.962.081</b>

### 36 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(12.191.170.371)	7.369.885.195
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(12.191.170.371)	7.369.885.195
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	399.997.029	399.997.029
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(30)</b>	<b>18</b>

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

### 37 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	312.167.736.697	167.289.774.429
Chi phí nhân công	333.101.204.322	238.685.019.893
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.221.819.124	1.117.633.493
Chi phí khấu hao tài sản cố định	41.442.905.836	39.785.216.032
Thuế, phí và lệ phí	4.501.865.242	8.402.256.023
Chi phí/ hoàn nhập dự phòng	(2.900.123.653)	(55.404.878.547)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.816.751.318	626.919.260.057
Chi phí khác bằng tiền	38.267.152.753	31.340.926.669
	<b>1.586.619.311.639</b>	<b>1.058.135.208.049</b>

### 38 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

#### a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	95.755.285.291	100.137.532.071

#### b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	66.432.198.603	148.788.933.736



**Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**39 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TẮNG**

**a) Bảo lãnh cho các khoản vay**

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			<b>155.046.350.336</b>	<b>155.046.350.336</b>	<b>137.942.779.491</b>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31/12/2025:

- Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND;
- Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.

Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31/12/2025 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 kỳ ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(\*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thủ bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thu bảo lãnh cho Công ty CP Xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn (nay đổi tên là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thủ bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại OceanBank - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến 31/12/2025, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank (nay là Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại).

**b) Bảo lãnh thanh toán**

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

**c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ**

Tổng Công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó thanh tra chính phủ kiến nghị:

- Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối,
- Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.



Trong năm 2022, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTCTP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

**d) Công nợ tiềm tàng**

Tài ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

**40 THÔNG TIN KHÁC**

**a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

**Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2**

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang tiến hành rà soát khối lượng và các công việc đã thực hiện với Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 cũng như các nhà thầu phụ để chuẩn bị cho công tác quyết toán dự án. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được kiểm toán và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp như dự kiến trên.

**Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1**

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp



đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

**b) Thông tin tài cơ cấu Tổng Công ty**

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt nam về việc phê duyệt tài cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025

**c) Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) thuê mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con) ("PVC-MS") ký Hợp đồng kinh tế số 15/PVSB-PVC.MS/08-10/B ngày 09/08/2010 với Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình ("Công ty Sao Mai - Bến Đình") để thuê mặt bằng, cơ sở hạ tầng trong Khu căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với tổng diện tích thuê là 229.330 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê 49 năm. Theo điều khoản hợp đồng, giá thuê bao gồm chi phí đầu tư và các nghĩa vụ với Nhà nước liên quan đến diện tích thuê.

Theo Phụ lục số 02 ngày 10/02/2026 và văn bản của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công ty phải chịu tiền thuê đất với tổng số tiền là 32.194.110.231 VND, trong đó:

- Giai đoạn từ ngày 16/09/2010 đến ngày 12/02/2015: 32.194.110.231 VND;
- Giai đoạn từ ngày 12/02/2015 đến ngày 31/12/2025: được miễn tiền thuê đất.

Ngoài ra, Công ty còn phải chịu tiền chậm nộp tạm tính đến thời điểm 31/12/2025 là 9.726.244.741 VND, trong đó tiền chậm nộp lũy kế đến thời điểm 31/12/2024 là 8.694.816.132 VND.

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh hồi tố ghi nhận giảm khoản mục Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng khoản mục Phải trả người bán, Phải trả khác tại thời điểm 31/12/2024 với số tiền 44.108.337.386 VND, ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh năm nay số tiền 1.031.428.609 VND.

**41 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngoài sự kiện ngày 31/01/2026, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã ban hành Nghị quyết số 15/NQ-XLDK Phê duyệt chủ trương chuyển nhượng và giá khởi điểm để lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá quyền sử dụng 3.400 m<sup>2</sup> đất của Tổng công ty tại thửa đất số 6, tờ bản đồ số 20 tại thôn 1, thị trấn Tam Đảo, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã Tam Đảo, tỉnh Phú Thọ) đã được công bố tại thuyết minh số 04 mục d, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 42 NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Chi nhánh phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	Công ty thành viên của PTSC
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV GAS)	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Phân phối Khí áp thấp Dầu khí Việt Nam	Công ty con của PV GAS
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển Công nghiệp Tàu thủy phía Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Tổng Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty



Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>1.504.123.870.274</b>	<b>847.863.166.887</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	850.294.087.066	473.164.613.532
Chi nhánh phát điện Dầu khí - Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	88.174.594.652	5.269.310.330
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	28.585.599.093	242.110.198.031
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	535.390.533.318	125.705.769.994
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.679.056.145	1.613.275.000
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>1.037.318.053</b>	<b>1.971.888.043</b>
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.037.318.053	1.854.288.043
Viện Dầu khí Việt Nam	-	117.600.000
<b>Chi phí tài chính</b>	<b>27.779.892.856</b>	<b>26.876.666.751</b>
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	27.779.892.856	26.876.666.751
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>688.990.120</b>	<b>117.600.000</b>
Viện Dầu khí Việt Nam	688.990.120	117.600.000
<b>Chi phí khác</b>	<b>707.718.727</b>	<b>-</b>
Viện Dầu khí Việt Nam	707.718.727	-

Thủ lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>2.284.460.076</b>	<b>2.207.775.913</b>
Ông Nguyễn Quang Huy Chủ tịch HĐQT	573.551.443	545.647.303
Ông Phạm Văn Khánh Thành viên độc lập HĐQT	247.440.000	244.285.000
Ông Trần Hải Bằng Thành viên HĐQT	500.481.311	479.906.106
Ông Nguyễn Hoài Nam Thành viên HĐQT	479.537.200	466.008.070
Ông Chu Thanh Hải Thành viên HĐQT	483.450.122	471.929.434
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2.111.886.132</b>	<b>2.014.722.793</b>
Ông Trần Quốc Hoàn Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/01/2024)	572.557.253	449.814.957
Ông Phan Tử Giang Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/01/2024)	-	109.537.217
Ông Nguyễn Văn Đồng Phó Tổng giám đốc	521.417.825	507.748.575
Ông Phạm Trung Kiên Phó Tổng giám đốc	524.770.280	464.890.490
Ông Bùi Sơn Trường Phó Tổng giám đốc	493.140.774	482.731.554
<b>Ban Kiểm soát</b>	<b>686.187.065</b>	<b>506.218.999</b>
Ông Hứa Xuân Nam Trưởng Ban Kiểm soát	454.099.420	441.418.999
Bà La Minh Huệ Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 29/05/2025)	172.687.645	-
Ông Phùng Văn Sỹ Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 29/05/2025)	16.200.000	32.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương Thành viên Ban Kiểm soát	43.200.000	32.400.000


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.


#### 43 SỞ LIỆU SO SÁNH



Sở liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024. Theo đó số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
Tài sản cố định vô hình	227	257.674.706.668	252.008.862.049	(5.665.844.619)
- Nguyên giá	228	284.392.878.902	274.650.242.344	(9.742.636.558)
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(26.718.172.234)	(22.641.380.295)	4.076.791.939
Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.254.938.639.111	3.267.033.909.932	12.095.270.821
Phải trả ngắn hạn khác	319	582.456.022.299	614.469.088.864	32.013.066.565
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(4.005.781.884.168)	(4.031.153.886.036)	(25.372.001.868)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	346.845.580.019	322.443.399.882	(24.402.180.137)

  
Nguyễn Thị Thu Anh  
Người lập biểu

  
Vũ Minh Công  
Kế toán trưởng

  
  
Trần Quốc Hoàn  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026



Số: /TTr-XLKD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

## **TỜ TRÌNH**

### **Về việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026  
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS) đã được sửa đổi và thông qua ngày 05/10/2023;

Ban Kiểm soát Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính năm 2026 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong ba Công ty kiểm toán nêu trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026, soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2026 của Tổng công ty PETROCONS và ưu tiên đơn vị có kinh nghiệm, thực hiện kiểm toán tại đa số các đơn vị thành viên của Tổng công ty để thuận lợi trong công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty. Trong trường hợp không ký kết được hợp đồng kiểm toán với một trong ba Công ty nêu trên thì kính trình Đại hội cổ đông ủy quyền cho HĐQT chủ động lựa chọn Công ty kiểm toán theo đúng quy định, đảm bảo tuân thủ thời hạn công bố thông tin của Công ty niêm yết.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**  
**THÀNH VIÊN**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT PETROCONS;
- Lưu VT, BKS, TCKT.

**Hứa Xuân Nam**

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

### **TỜ TRÌNH**

#### **Về việc quyết toán tiền lương, thù lao năm 2025 và phương án tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026  
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam  
(PETROCONS/Tổng công ty)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp;

- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua ngày 05/10/2023;

- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 29/5/2025;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025 và phương án tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026 của Tổng công ty như sau:

#### **1. Quyết toán tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban kiểm soát năm 2025:**

Tiền lương/Thù lao của HDQT, Ban Kiểm soát năm 2025 thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 58/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 29/5/2025, cụ thể:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Tiền lương/thù lao năm 2025		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)=(2)/(1)
1	Hội đồng quản trị	2.569.680.000	2.372.864.453	92,34%
2	Ban Kiểm soát	888.750.000	795.620.067	89,52%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>3.458.430.000</b>	<b>3.168.484.520</b>	<b>91,62%</b>

#### **2. Phương án tiền lương, thù lao của HDQT, Ban Kiểm soát năm 2026:**



- Tiền lương và thù lao của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát chuyên trách: thực hiện theo Quy chế tiền lương của PETROCONS, phù hợp với quy định và thực tế kết quả SXKD của PETROCONS.

- Tiền lương, thù lao của thành viên độc lập HĐQT: Đối với thành viên làm việc theo chế độ làm việc áp dụng tại Cơ quan Tổng công ty (8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần) được thực hiện tiền lương và các chế độ khác theo mức lương áp dụng đối với thành viên HĐQT chuyên trách; Đối với thành viên làm việc không thường xuyên tại Cơ quan Tổng công ty (không chuyên trách) được hưởng mức thù lao tối đa bằng 70% mức lương theo vị trí cố định của thành viên hội đồng quản trị chuyên trách.

- Thù lao kiêm nhiệm của thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát không chuyên trách: không vượt quá mức 5.000.000 đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VT, HĐQT, TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nghiêm Quang Huy**

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**V/v: Thông qua kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2026-2030  
của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026  
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (Tổng công ty/PETROCONS);

Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch SXKD giai đoạn 2020-2025, để khắc phục các tồn tại vướng mắc của giai đoạn trước, thực hiện mục tiêu từng bước phục hồi sản xuất kinh doanh, xây dựng PETROCONS trở thành đơn vị xây lắp chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong nước, xác định rõ kế hoạch, phương hướng phát triển của PETROCONS trong thời gian tới, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã triển khai xây dựng Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030 và chiến lược phát triển của PETROCONS với các nội dung chủ yếu như sau:

**1. Quan điểm phát triển**

- Vượt qua thách thức để dần từng bước đi vào hoạt động hiệu quả, giữ vững ổn định tổ chức hoạt động, chuyển đổi mô hình quản lý và hoạt động, đặt mục tiêu chất lượng, năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh lên hàng đầu.

- Hợp tác chặt chẽ với các đối tác trong và ngoài ngành, tận dụng tối đa lợi thế là thành viên của Tập đoàn Công nghiệp- Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

- Đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các đơn vị có năng lực trong và ngoài nước, giảm thiểu cạnh tranh, tránh đối đầu trực tiếp, từng bước tiếp thu, nâng cao năng lực nhằm chiếm lĩnh thị trường trong ngành, dần mở rộng ra thị trường ngoài ngành và nước ngoài.

**2. Mục tiêu tổng quát**

- Khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước khẳng định thương hiệu, uy tín của PETROCONS trong lĩnh vực thi công xây lắp là mục tiêu đặt lên hàng đầu.

- Xây dựng PETROCONS trở thành đơn vị đủ sức cạnh tranh trong ngành xây dựng và có thể cạnh tranh mạnh mẽ với các nhà thầu khác trong nước.



- Từng bước nâng cao tỷ trọng các công trình ngoài ngành trong các lĩnh vực xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng và giao thông/cơ sở hạ tầng; đồng thời mở rộng ra thị trường nước ngoài.

- Phát triển đội ngũ chuyên gia, kỹ sư chất lượng cao. Phần đầu làm chủ công nghệ thi công các nhà máy điện than, nhà máy điện khí; các công trình năng lượng tái tạo... Triển khai áp dụng các ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý dự án/ công trình.

### **3. Mục tiêu cụ thể**

- Tổng doanh thu hợp nhất 5 năm giai đoạn 2026-2030 toàn hợp nhất đạt trên 11.000 tỷ đồng, tổng doanh thu Công ty mẹ trên 4.800 tỷ đồng.

- PETROCONS tiếp tục tập trung xây dựng nguồn lực cho 02 đơn vị nòng cốt là PVC-MS và DOBC, chiếm tỷ trọng khoảng 66% doanh thu của toàn hợp nhất PETROCONS.

- Phần đầu hàng năm PetroCons đều có lợi nhuận dương. Trong tổng lợi nhuận các công ty con: PVC-MS dự kiến chiếm 85%, DOBC dự kiến chiếm 10%, các công ty con còn lại chiếm 5%. Công ty thành viên khác hàng năm sẽ giảm dần giá trị thua lỗ và tiến tới có lợi nhuận dương; phần đầu không còn phải thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho các đơn vị thành viên.

- Thực hiện thoái vốn PVC-Bình Sơn thu hồi vốn góp để thanh toán một phần khoản vay ủy thác Petrovietnam. Tiếp tục phối hợp với các đơn vị thành viên triển khai các phương án thanh toán phần nợ gốc còn lại vay ủy thác dự kiến hoàn thành vào năm 2030.

- Thực hiện triệt để việc thu hồi công nợ (bằng tiền/tài sản/phần vốn góp...) đối với các khoản công nợ phải thu tại các đơn vị: PVC-MT, PVC-ME, PVNC... Tiến hành khởi kiện các đơn vị chây ỳ không hợp tác xử lý nợ như: Công ty CP Đầu tư Tập đoàn Trường Sơn, IMICO... để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của PETROCONS.

### **4. Định hướng triển khai**

#### **4.1. Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Chủ động phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền, chủ đầu tư, nhà thầu... xây dựng và thực hiện quyết liệt các giải pháp để xử lý dứt điểm các khó khăn, vướng mắc tồn tại hiện nay trong thời gian sớm nhất để PETROCONS/đơn vị thành viên khôi phục sản xuất kinh doanh.

- Duy trì và đẩy mạnh quan hệ với các đối tác là khách hàng truyền thống. Hợp tác toàn diện với các đơn vị trong lĩnh vực xây lắp có năng lực tài chính, thị trường, thiết bị, nhân lực... để tham gia thi công các công trình với vai trò liên danh nhà thầu, nhà thầu phụ đặc biệt. Sau khi tích lũy kinh nghiệm, năng lực, đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc mới ở cả trong và ngoài nước.

- Thu xếp nguồn vốn trả nợ các khoản vay ủy thác Petrovietnam qua Oceanbank (nay là MBV) và giải tòa nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn cho các đơn vị thành viên.

#### **4.2. Đối với công tác tái cấu trúc:**

- Nghiên cứu áp dụng mô hình các đơn vị sản xuất trực thuộc (nhận khoán) Tổng công ty quản lý (hạch toán phụ thuộc) nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất và thực hiện các công



việc không phải ưu thế của các Công ty con, tuy nhiên cần tuyển dụng bổ sung cán bộ/kỹ sư có kỹ năng quản lý, kỹ năng chuyên môn đáp ứng yêu cầu cho các đội sản xuất này.

- Đối với việc cơ cấu lại các đơn vị thành viên, PETROCONS xây dựng các nhiệm vụ cụ thể trong giai đoạn 2026-2030 như sau:

+ Cùng cố, nâng cao vai trò nòng cốt của đơn vị PVC-MS và DOBC tạo thế mạnh cho PETROCONS trong các hoạt động xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa các công trình trọng điểm trong ngành và mở rộng thị trường ngoài ngành.

+ Tăng cường hỗ trợ đơn vị PVC-IC, PVC-Duyên Hải, PetroCons- Đồng Đô phát huy các nguồn lực sẵn có kết hợp các giải pháp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và giá trị doanh nghiệp. Khi có chuyển biến tích cực sẽ xem xét sự cần thiết duy trì trong hệ sinh thái/đơn vị nòng cốt hoặc thoái vốn ngay khi có cơ hội.

+ Đối với các đơn vị còn nợ vốn vay ủy thác của Petrovietnam (PVC-Bình Sơn, PVC- TB, PVC-SG, Khách sạn Lam Kinh, PVNC), tiếp tục hỗ trợ đơn vị xử lý các tồn tại vướng mắc, xây dựng phương án hoàn trả nợ vay ủy thác chậm nhất hoàn thành vào năm 2030. Ngay sau khi đơn vị hoàn thành giải quyết công nợ ủy thác sẽ xem xét, đánh giá để tiếp tục duy trì trong hệ sinh thái của PETROCONS hoặc thoái vốn khi có cơ hội.

+ Đối với các đơn vị còn lại, PETROCONS thực hiện tăng cường chỉ đạo, giám sát Người đại diện phần vốn áp dụng mọi biện pháp để quản trị vốn đầu tư, tìm kiếm cơ hội thoái vốn hoặc xem xét thực hiện giải pháp giải thể/ phá sản, đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và tối đa lợi ích cho PETROCONS.

#### 4.3. Đối với công tác quản trị:

- Hoàn thiện, ổn định bộ máy tổ chức quản lý và cơ chế quản lý nội bộ để nâng cao hiệu quả công tác điều hành, kiểm tra, giám sát.

- Kiểm soát tốt và tiết giảm tối đa các khoản chi phí sản xuất, chi phí quản lý và sử dụng vốn, tài sản an toàn, đúng mục đích; đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và các đơn vị đạt hiệu quả.

- Đảm bảo chăm lo đời sống người lao động. Thực hiện tốt công tác an toàn sức khỏe, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường tại các dự án triển khai thực hiện.

#### 5. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu giai đoạn 5 năm 2026-2030

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm					Tổng giai đoạn 2026-2030
		2026	2027	2028	2029	2030	
1	Giá trị SXKD	3.884,00	1.830,00	1.950,00	2.089,00	2.227,00	11.980,00
	Công ty mẹ	890,00	1.008,00	1.068,00	1.130,00	1.210,00	5.306,00
2	Doanh thu	3.859,00	1.643,00	1.749,00	1.869,00	2.017,00	11.137,00
	Công ty mẹ	864,00	908,00	963,00	1.033,00	1.103,00	4.871,00
3	Lợi nhuận trước thuế	28,56	2,84	3,29	4,24	7,84	46,77
	Công ty mẹ	7,99	1,22	1,77	2,40	3,31	16,69



TT	Chỉ tiêu	Năm					Tổng giai đoạn 2026-2030
		2026	2027	2028	2029	2030	
4	Nộp NSNN	35,00	60,00	63,00	66,00	70,00	294,00
	Công ty mẹ	11,00	12,00	12,00	13,00	14,00	62,00

## 6. Giải pháp thực hiện

### 6.1. Giải pháp về quản trị và quản lý doanh nghiệp

- Sắp xếp tổ chức, nhân sự: Thực hiện rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại các Ban/Phòng chuyên môn, Ban điều hành dự án và Chi nhánh; định biên nhân sự theo vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế, bảo đảm bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Tái cơ cấu Tổng công ty: Trên cơ sở Kế hoạch SXKD giai đoạn 2026–2030, xây dựng và tổ chức triển khai phương án tái cơ cấu trên cơ sở định hướng đã nêu tại mục 4.2; đồng thời chủ động xây dựng phương án, tích cực tìm kiếm đối tác để thoái vốn tại các khoản đầu tư không hiệu quả.

- Hoàn thiện thể chế nội bộ: Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với yêu cầu quản lý, điều hành trong từng giai đoạn; nghiêm túc rút kinh nghiệm, khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế của giai đoạn trước.

- Đổi mới phương thức quản lý SXKD: Xây dựng mô hình quản lý, điều hành và tổ chức SXKD phù hợp, trong đó đặc biệt chú trọng công tác quản lý dự án nhằm bảo đảm chất lượng, tiến độ và hiệu quả kinh tế; đẩy mạnh mô hình trực tiếp thực hiện dự án/hợp đồng, giảm khâu trung gian, tiết giảm chi phí gián tiếp; nghiên cứu áp dụng cơ chế lãnh đạo/cán bộ chịu trách nhiệm toàn diện gắn với khoản chi phí.

- Nâng cao hiệu quả quản trị vốn góp: Lựa chọn, cử Người đại diện/Người đại diện phần vốn có năng lực chuyên môn tham gia quản lý tại các doanh nghiệp có vốn góp; tăng cường trách nhiệm của lãnh đạo các Ban và Người đại diện thông qua hoàn thiện quy chế Người đại diện phần vốn, qua đó nâng cao vai trò, trách nhiệm trong điều hành và hiệu quả SXKD, bảo đảm tối đa hiệu quả nguồn vốn đầu tư của PETROCONS.

### 6.2. Giải pháp về sản xuất – thị trường

- Xử lý tồn đọng dự án: Tập trung giải quyết dứt điểm các tồn tại, hoàn thành quyết toán và thu hồi vốn tại các dự án trọng điểm; thực hiện giải thể CNPB/Ban điều hành dự án liên quan tại thời điểm phù hợp, bảo đảm hiệu quả và đúng quy định.

- Phát triển nguồn việc: Bám sát các gói thầu đã nộp hồ sơ và đang trong quá trình chấm thầu; chủ động theo dõi tiến độ triển khai các dự án trong ngành nhằm kịp thời tiếp cận, tạo nguồn việc gói thầu cho năm 2026 và các năm tiếp theo.

- Nâng cao năng lực nhân sự: Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ PETROCONS có năng lực chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế và quản lý dự án, đáp ứng yêu cầu triển khai các dự án ngày càng phức tạp.

- Tham gia chuỗi dịch vụ ngành: Xúc tiến tham gia đảm nhận một phần công việc trong chuỗi dịch vụ của các đơn vị thành viên chủ lực trong ngành Dầu khí và của Petrovietnam, từng bước mở rộng phạm vi hoạt động.

- Đẩy mạnh liên danh, liên kết: Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài



nước để phát huy thế mạnh từng bên, nâng cao năng lực cạnh tranh, hạn chế đối đầu trực tiếp; đồng thời nghiên cứu, phát triển ngành nghề mới, đón đầu xu thế thị trường trong nước và quốc tế.

- *Hoàn thiện hệ thống dữ liệu và quy trình*: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về nhà thầu phụ, nhà cung cấp, đơn giá... làm nền tảng cho công tác đấu thầu, mua sắm; đồng thời hoàn thiện quy trình quản lý mua bán, đấu thầu theo hướng tiệm cận các thông lệ tiên tiến trong và ngoài nước.

### **6.3. Giải pháp về tài chính**

- Tập trung đa dạng hóa các nguồn huy động vốn, bảo đảm đáp ứng kịp thời nhu cầu SXKD gắn với quản trị tài chính chặt chẽ, kiểm soát dòng tiền khoa học, hiệu quả. Chủ động cải thiện khả năng thanh toán, xây dựng cấu trúc và cơ cấu sử dụng vốn an toàn, minh bạch, phù hợp từng giai đoạn phát triển. Quyết liệt rà soát, thu hồi công nợ, đặc biệt xử lý dứt điểm tình trạng nợ chéo trong nội bộ Tổng công ty và giữa các đơn vị.

- Triển khai tái cơ cấu, thoái vốn tại một số đơn vị và tài sản theo lộ trình; tiếp tục rà soát, khai thác các nguồn thu, tài sản để thu hồi vốn, thực hiện nghĩa vụ hoàn trả các khoản vay ủy thác. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tài chính trong toàn Tổng công ty; nâng cao nhận thức về vai trò then chốt của công tác tài chính trong quản trị, điều hành SXKD.

- Hoàn thiện quy trình, phương thức quản lý tài chính phù hợp với mô hình hoạt động và điều kiện thực tiễn của PETROCONS, trọng tâm là công tác hoạch định và kế hoạch tài chính các kỳ, quản lý doanh thu và kiểm soát chi phí. Đồng thời, chú trọng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ tài chính; tăng cường kiểm tra, kiểm toán nội bộ và giám sát các đơn vị thành viên nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư.

### **6.4. Giải pháp về đầu tư**

- Tập trung hoàn thiện hệ thống quy định, quy chế, quy trình quản lý, giám sát và đánh giá dự án đầu tư, đồng thời kiện toàn tổ chức, bộ máy thực hiện công tác quản lý đầu tư tại các đơn vị thành viên.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng các tài sản hình thành từ nguồn thu hồi công nợ của Tổng công ty.

- Trên cơ sở triển khai các dự án, công trình cụ thể, nghiên cứu đầu tư máy móc, thiết bị nhằm nâng cao năng lực thi công đối với các dự án có hiệu quả kinh tế cao; đồng thời linh hoạt kết hợp phương án thuê thiết bị để kịp thời bổ sung nguồn lực phục vụ hoạt động SXKD, phù hợp với điều kiện tài chính hiện tại.

### **6.5. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực, lao động, tiền lương**

- Tập trung đào tạo, phát triển đội ngũ nhân sự công nghệ và chuyên môn chất lượng cao, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý dự án, thiết kế, kỹ thuật và tài chính tổng hợp, đáp ứng yêu cầu tham gia các dự án/hợp đồng tổng thầu EPC.

- Đổi mới tư duy quản lý lao động, tạo sự đồng thuận và tâm lý tích cực cho người lao động nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả làm việc. Trên cơ sở đó, điều chỉnh, hoàn thiện chính sách đãi ngộ theo hướng tiệm cận mặt bằng thị trường, gắn với hiệu quả công việc, kết hợp xây dựng cơ chế thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao phục



vụ mục tiêu SXKD và phát triển bền vững của PETROCONS.

#### **6.6. Giải pháp về khoa học công nghệ, an toàn, môi trường và phát triển bền vững**

- Đẩy mạnh ứng dụng tối đa hệ thống công nghệ thông tin hiện có, từng bước triển khai chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành tại cơ quan Tổng công ty và toàn hệ thống. Chủ động áp dụng các công nghệ tiên tiến, phần mềm quản lý xây dựng và quản lý hợp đồng nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng hoạt động xây lắp, giảm thiểu rủi ro và tăng cường năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu phát triển hiện đại.

- Gắn kết chặt chẽ hoạt động nghiên cứu khoa học với sản xuất, kinh doanh và đầu tư, bảo đảm phục vụ kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ chiến lược và mục tiêu phát triển của Tổng công ty. Đồng thời, nâng cao năng lực và hiệu quả công tác quản lý an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường thông qua tăng cường tuyên truyền, huấn luyện, nâng cao nhận thức; đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học – công nghệ; cải thiện điều kiện làm việc, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu xây dựng và triển khai Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001, tích hợp đồng bộ với các hệ thống ISO 9001 và ISO 45001 đang áp dụng tại Tổng công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam xem xét và thông qua Kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2026-2030 của PETROCONS. Đồng thời, nhằm chủ động trong việc tổ chức triển khai kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030 (trong đó bao gồm phê duyệt và triển khai chi tiết kế hoạch tái cơ cấu theo định hướng tại Mục 4.2 nêu trên) của PETROCONS, kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị PETROCONS chủ động thực hiện các nội dung phát sinh thuộc thẩm quyền ĐHQĐ và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường niên gần nhất.

Trân trọng./.

#### **Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT, KHĐT&TCC.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nghiêm Quang Huy**

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## **TỜ TRÌNH**

### **V/v: Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty  
Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

#### **Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung có liên quan;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
- Mục tiêu, định hướng, kế hoạch phát triển của Tổng công ty;

Hiện nay, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty) đang phối hợp với đối tác nước ngoài (Trung Quốc) để nghiên cứu đầu tư Dự án “Sản xuất và Lắp đặt hệ thống Khử xúc tác chọn lọc (SCR) cho Nhà máy nhiệt điện”; Địa điểm đầu tư dự kiến là khu đất diện tích 40.025m<sup>2</sup> thuộc dự án Xưởng cơ khí & Vật liệu xây dựng tại xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi); Hình thức hợp tác đầu tư dự kiến bằng hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC). Mục đích chính của dự án là Sản xuất và tái chế xúc tác (Catalyst) thường bao gồm quá trình phủ các kim loại nặng (Pt, Pd, Rh) lên chất nền gốm/kim loại để xử lý khí thải hoặc dùng trong công nghiệp; Tái chế/vệ sinh bao gồm tái tạo chủ động (đốt nóng DPF), thu hồi kim loại nặng qua thủy luyện/hóa luyện, và tẩy rửa bằng hóa chất chuyên dụng để loại bỏ muối than và hợp chất độc hại. Đây là Dự án có đặc thù riêng, hiện tại Tổng công ty chưa đăng ký kinh doanh cho các lĩnh vực SXKD này.

Với mục tiêu phát triển thêm các lĩnh vực/thị trường mới đảm bảo duy trì sự ổn định, phát triển bền vững; đồng thời có cơ sở triển khai các bước tiếp theo; Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung các Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty cụ thể như sau:

1. Thông qua bổ sung các ngành nghề kinh doanh mới:



STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại	3822
2	Sản xuất hóa chất cơ bản	2011
3	Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4679
4	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
5	Tái chế phế liệu	3830

2. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty chỉ đạo thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành; Cập nhật bổ sung các ngành nghề tương ứng vào Điều lệ theo kết quả Đăng ký doanh nghiệp được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Kính trình Đại hội cổ đông PETROCONS xem xét, thông qua.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT, PC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nghiêm Quang Huy**

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

### **TỜ TRÌNH**

**V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động  
của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty  
Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

#### **Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020; Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 9 Luật trong đó có Luật Doanh nghiệp; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và các Luật;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Nghị định số 245/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

Hội đồng quản trị Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS/Tổng công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua việc sửa đổi nội dung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, cụ thể như sau:
  - Thay đổi tên viết tắt tiếng anh của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam:
    - + Tên viết tắt cũ: PETROCONS
    - + Tên viết tắt mới: PETROCONS.
  - Thay đổi biểu tượng Logo theo bộ nhận diện thương hiệu mới của Tổng công ty phù hợp với quy định của Tập đoàn Công Nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn) về việc quản lý và sử dụng đồng bộ, thống nhất Thương hiệu/nhãn hiệu của Tập đoàn (Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 145/QĐ-XLKD ngày 24/12/2025 về việc Phê duyệt Bộ nhận diện thương



hiệu PETROCONS và đã báo cáo Tập đoàn, được Tập đoàn đồng ý tại văn bản số 11902/CNNL-TT&VHDN ngày 31/12/2025).

- Sửa đổi địa chỉ trụ sở Tổng công ty, bổ cấp Quận để phù hợp với quy định mới sau khi hoàn thành việc sáp nhập địa giới hành chính.
- Cập nhật một số ngành nghề kinh doanh chi tiết để phù hợp với Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp hiện hành và Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam. Đồng thời bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty giai đoạn hiện nay.

Đối với nội dung này tại “*khoản 1 Điều 3. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty*” trong Điều lệ Tổng công ty; Do Tên/Thông tin chi tiết một số ngành nghề cũ/bổ sung có thể sẽ có sự sai khác sau khi cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ khi ra cơ quan Đăng ký doanh nghiệp, vì vậy sau khi ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT Tổng công ty sẽ cập nhật/bổ sung chi tiết các nội dung tại khoản 1 Điều 3 của Điều lệ phù hợp với Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận).

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Điều để phù hợp với các văn bản sửa đổi bổ sung Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các nghị định hướng dẫn thi hành, đảm bảo tuân thủ đúng quy định hiện hành của Pháp luật.

*(Chi tiết sửa đổi: Theo bản Tổng hợp tóm tắt các nội dung sửa đổi Điều lệ đính kèm)*

2. Giao Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện các thủ tục hoàn thiện, ký ban hành Điều lệ theo đúng quy định để triển khai thực hiện.

*(Nội dung Dự thảo Điều lệ đính kèm theo Tờ trình này trong tài liệu Đại hội)*

Kính trình Đại hội cổ đông PETROCONS xem xét, thông qua.

Trân trọng/.

**Nơi nhận:**



- Như trên;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, HĐQT, PC.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nghiêm Quang Huy**

**BẢNG TỔNG HỢP TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Phần trang bìa	<p><b>TỔNG CÔNG TY</b> <b>CÓ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM</b> *****</p>  <p><b>ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA</b> <b>TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ</b> <b>VIỆT NAM</b> (Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho HĐQT sửa đổi, ban hành tại Nghị quyết số 232/NQ-XLDK- DHDCD ngày 02/10/2023)</p> <p><b>Hà Nội, tháng 10 năm 2023</b></p>	<p><b>TỔNG CÔNG TY</b> <b>CÓ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM</b> *****</p>  <p><b>ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA</b> <b>TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ</b> <b>VIỆT NAM</b> (Đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số ...../NQ-XLDK- DHDCD ngày ...../...../2026)</p> <p><b>Hà Nội, tháng .... năm 2026</b></p>	Phần trang bìa	<p>Thay đổi Logo và tên, ngày tháng ban hành Nghị quyết DHDCD.</p> <p><i>Lý do:</i> Căn cứ chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (Tập đoàn) tại văn bản số 8961/QĐ-CNNL ngày 09/10/2025, Tổng công ty Cổ phần Xáy Lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONS) đã sửa đổi bộ nhận diện thương hiệu (Hội đồng quản trị đã ban hành Quyết định số 145/QĐ-XLDK ngày 24/12/2025 về việc phê duyệt bộ nhận diện thương hiệu và đã đề Tập đoàn cho ý kiến tại văn bản số 11902/CNNL-TT&amp;VHDN ngày 31/12/2025.</p>
Phần mở đầu	<p>Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho HĐQT sửa đổi, ban hành tại Nghị quyết số 232/NQ-DHDCD-XLDK ngày 02/10/2023.</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020.</p> <p>d. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019.</p>	<p>Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số ...../NQ-DHDCD-XLDK ngày ...../...../2026.</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.</p> <p>d. "Luật Chứng khoán" là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.</p>	Phần mở đầu	<p>Thay đổi và tên, ngày tháng ban hành Nghị quyết DHDCD để phù hợp.</p>
Điều 1. Định nghĩa			Điều 1. Định nghĩa	<p>Bổ sung nội dung in đậm</p> <p><i>Lý do:</i> Để tham chiếu đến tất cả các văn bản sửa đổi, bổ sung hiện hành.</p>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	<p>1. Tên Tổng công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tên viết tắt tiếng Anh: <b>PETROCONS</b></li> <li>Biểu tượng Logo:</li> </ul> 	<p>1. Tên Tổng công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Tên viết tắt tiếng Anh: <b>PETROCONS</b></li> <li>Biểu tượng Logo:</li> </ul> 	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty	Sửa đổi tên viết tắt tiếng Anh, biểu tượng Logo Tổng công ty <i>Lý do:</i> Đã nêu chi tiết ở trên, PETROCONS đã sửa đổi bộ nhận diện thương hiệu.
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	<p>3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</li> </ul> <p>1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;</li> <li>Xây dựng công trình công ích;</li> <li>Xây dựng công trình dân dụng khác:</li> <li>Xây dựng công trình thủy;</li> <li>Xây dựng công trình khai khoáng;</li> <li>Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;</li> <li>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;</li> <li>Xây dựng công trình thể thao ngoài trời;</li> <li>Thi công các công trình giao thông, thủy lợi;</li> <li>Đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ;</li> </ul>	<p>3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.</li> </ul> <p>1. Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;</li> <li>Xây dựng công trình công ích;</li> <li>Xây dựng công trình điện;</li> <li>Xây dựng công trình cấp, thoát nước;</li> <li>Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;</li> <li>Xây dựng công trình công ích khác;</li> <li>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;</li> <li>Xây dựng công trình thủy;</li> <li>Xây dựng công trình khai khoáng;</li> <li>Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;</li> <li>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;</li> <li>Xây dựng công trình thể thao ngoài trời;</li> <li>Thi công các công trình giao thông, thủy lợi;</li> <li>Đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ;</li> </ul>	Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Tổng công ty	Sửa đổi địa chỉ trụ sở chính <i>Lý do:</i> Bỏ cấp Quận.  - Cập nhật các ngành nghề kinh doanh in đậm chi tiết cho mã ngành 422 (các mã ngành chi tiết 4221, 4222, 4223, 4229) và 429 (chi tiết 4291, 4292, 4293, 4299) <i>Lý do:</i> Để đầy đủ và phù hợp với GCN Đăng ký doanh nghiệp hiện nay của TCT.



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh bề tổng thương phẩm;</li> <li>- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng, dầu khí;</li> <li>- Kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng;</li> </ul> </li> <li>• <b>Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp.</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Chuẩn bị mặt bằng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí);</li> </ul> </li> <li>- Sản xuất vật liệu xây dựng: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí);</li> </ul> </li> <li>• Sản xuất vật liệu xây dựng;</li> <li>• Sản xuất công nghiệp;</li> <li>• Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;</li> <li>• <b>Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp.</b></li> </ul> </li></ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kinh doanh bề tổng thương phẩm;</li> <li>- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng, dầu khí;</li> <li>- Kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng;</li> </ul> </li> <li>• Chuẩn bị mặt bằng: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí);</li> <li>- Sản lắp mặt bằng;</li> </ul> </li> <li>• Sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí);</li> <li>• Sản xuất vật liệu xây dựng;</li> <li>• Sản xuất công nghiệp;</li> <li>• Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;</li> <li>• <b>Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp;</b></li> <li>• <b>Xử lý tiêu hủy rác thải độc hại;</b></li> <li>• <b>Sản xuất hóa chất cơ bản;</b></li> <li>• <b>Bán buôn chuyển doanh khác chưa được phân vào đầu;</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;</b></li> <li>• <b>Tái chế phế liệu.</b></li> </ul> </li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bỏ một nội dung in đậm "Khảo sát, duy tu, bảo dưỡng... công nghiệp".</li> <li><i>Lý do:</i> Hai nội dung ghi trùng lặp trong Điều lệ</li> <li>- Dự kiến Bỏ sang 5 ngành nghề kinh doanh in đậm, các mã ngành bỏ sang tương ứng là 3822, 2011, 4679, 7120, 3830.</li> <li><i>Lý do:</i> Để phối hợp với đối tác nước ngoài (Trung Quốc) tham gia Dự án Sản xuất và Lắp đặt hệ thống Khí xúc tác chọn lọc (SCR) cho Nhà máy Nhiệt điện.</li> <li><i>(Ghi chú:</i> Đối với nội dung tại "Khoản 1 Điều 3 – Ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty" trong Điều lệ TCT; Do Tên/Thông tin chi tiết một số ngành nghề cũ/bỏ sung có thể sẽ có sự sai khác sau khi cập nhật theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ khi ra cơ quan Đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN), vì vậy sau khi ĐHKĐ thông qua, HĐQT Tổng công ty sẽ cập nhật/bỏ sung chi tiết các nội dung trên phù hợp với Giấy chứng nhận ĐKDN sau khi được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.</li> </ul>

Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, <b>thành viên độc lập Hội đồng quản trị</b>, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giám xướng, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;</p> <p>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;</p> <p>đ. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>.....</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền <b>yêu cầu</b> đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Số Thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giám xướng, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này;</p> <p>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 10 Điều lệ này;</p> <p>đ. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;</p> <p>e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:</p> <p>.....</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm <b>d khoản 3</b> Điều này có quyền <b>yêu cầu</b> đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	Điều 12. Đại hội đồng cổ đông	<p>- Bỏ nội dung in đậm tại điểm b, khoản 3 Điều này</p> <p>Lý do: Phù hợp với khoản 1 Điều 140 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020. Nội dung này đã được nhắc đến ở điểm c, khoản 3 Điều này</p> <p>- Sửa nội dung in đậm ở điểm c, khoản 4 Điều này để khớp với quy định Pháp luật.</p> <p>Lý do: Do lỗi đánh máy điều lệ cũ</p>



Điều lệ cũ	Nội dung cũ	Nội dung mới	Điều lệ mới	Ghi chú
Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).</p> <p><b>Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</b></p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).</p> <p><b>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:</b></p> <p>a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Tổng công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	Điều 14. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa nội dung in đậm, tách mục 2 thành mục 2 và 3, sửa lỗi đề phù hợp với quy định. <i>Lý do:</i> Do lỗi đánh máy điều lệ cũ